

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001: 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên: Phạm Thị Tuyết Minh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Tuyết Minh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Tuyết Minh.

Mã SV: 1212401152

Lớp: QT1602K.

Ngành: Kế toán – Kiểm toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

Cổ phần Lisemco 2.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu những lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Lisemco 2 trong năm 2014.
- Sử dụng số liệu về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Lisemco 2.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ.

Học hàm, học vị: Thạc sĩ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Phạm Thị Tuyết Minh** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Lisemco 2. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2014). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần Lisemco 2. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	1
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.1	
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	1
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu.....	2
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.4. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.....	3
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.....	3
1.1.4.2. Đánh giá nguyên vật liệu.....	5
1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	11
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	11
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.....	11
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	13
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư.....	14
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	16
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	20
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	22
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	22
1.3.2. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	23
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2.....	25
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Lisemco 2.....	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	25
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	26
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.	30
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.	30
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng.....	32
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản.	33
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.	33
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.	39
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco	2.40
2.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	40
2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.	40
2.2.1.2. Thủ tục nhập, xuất nguyên vật liệu.	40
2.2.1.3. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.....	61
2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.	70
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	70
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	70
2.2.2.3. Quy trình hạch toán	71
2.2.3. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.....	76
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG	
TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN	
LISEMCO2.	
79	
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu.....	79
3.1.1. Ưu điểm.	79
3.1.2. Hạn chế.....	82
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.....	86
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.	86
3.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu...	86
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.....	87
KẾT LUẬN	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Giấy đề nghị nhập kho.	42
Biểu số 2.2: Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa.....	43
Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho số NVLP09/011.	44
Biểu số 2.4: Giấy đề nghị nhập kho.	47
Biểu số 2.5: Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa.....	48
Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho số NNL09/072.....	49
Biểu số 2.7: Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.....	52
Biểu số 2.8: Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho.....	53
Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số XVLP09/021.	54
Biểu số 2.10: Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.....	57
Biểu số 2.11: Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho.....	58
Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số XNL09/227.....	59
Biểu số 2.13: Thẻ kho.	64
Biểu số 2.14: Sổ chi tiết nguyên vật liệu.....	65
Biểu số 2.15: Thẻ kho.	67
Biểu số 2.16: Sổ chi tiết nguyên vật liệu.....	68
Biểu số 2.17: Báo cáo nhập xuất tồn.....	69
Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung tháng 9/2014.....	74
Biểu số 2.19: Sổ cái TK 152 tháng 9/2014.	75
Biểu số 2.20: Biên bản kiểm kê vật tư.	78

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. ..	12
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	14
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.	16
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	19
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	21
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.	23
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.	24
Sơ đồ 2.1:Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Lisemco 2.....	28
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 2.....	31
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.	34
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.	62
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính tại Công ty cổ phần Lisemco 2.	71

LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới, trong những năm vừa qua nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến khởi sắc. Ngày càng nhiều các doanh nghiệp, công ty hoạt động trong các lĩnh vực ngành nghề đa dạng phục vụ những nhu cầu cuộc sống khác nhau của con người trong xã hội. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn, một trong những vấn đề gây nhức nhối đó là lạm phát. Lạm phát khiến chi phí giá cả hàng hóa ngày càng tăng, khiến cho người tiêu dùng cũng thắt chặt chi tiêu và khắt khe trong việc lựa chọn sản phẩm. Chính vì vậy, sự cạnh tranh để tồn tại giữa các doanh nghiệp cũng trở nên gay gắt hơn. Để có thể khẳng định chỗ đứng của mình thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có những đường lối chính sách cũng như các công cụ quản lý đặc lực. Đặc biệt là đối với những doanh nghiệp sản xuất cần có những giải pháp đảm bảo giá thành sản phẩm mà vẫn giữ được chất lượng sản phẩm tốt. Và để thực hiện được điều đó cần đến công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu chiếm phần tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và trong giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, có tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu còn là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng phản ánh trình độ quản lý, sử dụng vật tư, trình độ tổ chức công nghệ sản xuất sản phẩm, là cơ sở kế toán tính đúng chi phí sản xuất cho từng đơn vị sản phẩm và tổng giá vốn hàng bán. Nhất là trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay, việc sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả là một mục tiêu quan trọng để doanh nghiệp thu được lợi nhuận nhiều nhất. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu một cách hợp lý, khoa học, phù hợp với đặc điểm tổ chức, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng mà doanh nghiệp nào cũng muốn thực hiện được.

Nhận thức được vấn đề này, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Lisemco 2, em đã đi sâu vào tìm hiểu phần hành kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

Trong quá trình tìm hiểu và hoàn thiện bài khóa luận, do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm tiếp xúc với công việc thực tế còn ít ỏi nên bài viết chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS.Nguyễn Văn Thụ đã nhiệt tình hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo và các anh chị kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện cho em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.****1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

Vật liệu là loại tài sản lưu động thuộc nhóm tài sản dự trữ. Nó là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm, vật liệu rất phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật, về đặc tính lý hoá, nó tồn tại dưới nhiều trạng thái khác nhau. Bởi vậy, việc cung cấp vật liệu có kịp thời hay không, số lượng, chủng loại có phù hợp không, có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình thực hiện kế hoạch sản phẩm của doanh nghiệp chất lượng của sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của vật liệu. Bên cạnh đó, chi phí vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tài sản lưu động, trong tổng số chi phí tạo ra sản phẩm. Xét về hiện vật thì vật liệu chỉ tham gia một lần vào chu kỳ sản xuất không giữ nguyên hình thái ban đầu. Xét về vốn, vật liệu là thành phần quan trọng trong tổng số vốn lưu động của doanh nghiệp. Do đó, để tăng tốc độ luân chuyển về vốn lưu động, cần phải quản lý, sử dụng vật liệu một cách hợp lý và tiết kiệm.

Nguyên vật liệu đóng vai trò là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, là thành phần chính để cấu tạo nên sản phẩm. Nguyên vật liệu được nhận diện dễ dàng trong sản phẩm vì nó tượng trưng cho đặc tính dễ thấy lớn nhất của cái gì đã được sản xuất. Vì vậy muốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiến hành được đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho các loại nguyên liệu phải đủ về số liệu, kịp thời gian, đúng về quy cách, phẩm chất. Đây là một vấn đề bắt buộc mà nếu thiếu thì không thể có quá trình sản xuất sản phẩm được.

Tóm lại, đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất là một tất yếu khách quan, một điều kiện chung của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên sẽ là một thiếu sót nếu chỉ nhắc tới nguyên vật liệu mà không nhắc tới tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu. Công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất phải được thực hiện một cách toàn diện để tạo điều kiện quản lý vật liệu, thúc đẩy việc cung cấp kịp thời, đồng bộ những vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu một cách hợp lý, tiết kiệm ngân

ngừa các trường hợp hư hao, mất mát và lãng phí vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu.

- **Khái niệm:**

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Ban hành theo QĐ 149/2001/QĐ – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001) hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường.
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Như vậy, *nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa.*

- **Đặc điểm:**

Khi tham gia vào quá trình sản xuất, nguyên vật liệu có những đặc điểm sau đây:

- *Về mặt hiện vật:* Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất, nguyên vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất để tạo thành thực thể của sản phẩm.
- *Về mặt giá trị:* Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra. Như vậy, xét trên hai phương diện giá trị và hiện vật, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố không thể thiếu của bất kì quá trình sản xuất kinh doanh nào. Xét về mặt hiện vật, nguyên vật liệu biểu hiện là một bộ phận quan trọng của sản phẩm lao động; còn xét về mặt giá trị, nó là thành phần quan trọng của vốn lưu động.

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho nhằm cung cấp thông

tin kịp thời, chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán nguyên vật liệu. Đồng thời hướng dẫn các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong kế toán nguyên vật liệu.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu. Từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu thực tế đưa vào sản xuất. Phân bổ chính xác nguyên vật liệu đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.

- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

1.1.4. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Có nhiều cách phân loại nguyên vật liệu, hiện nay cách chủ yếu là phân loại nguyên vật liệu *theo vai trò và công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất*. Theo cách này thì nguyên vật liệu được phân ra thành các loại như sau:

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: (bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài). Đối với các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu chính là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm như sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí, xây dựng cơ bản, bông trong các doanh nghiệp kéo sợi, vải trong doanh nghiệp may... Đối với nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất sản phẩm ví như: Sợi mua ngoài trong các nhà máy dệt cũng được coi là nguyên vật liệu chính.

- *Vật liệu phụ*: là đối tượng lao động nhưng không phải là cơ sở vật chất chủ yếu để hình thành nên sản phẩm mới. Vật liệu phụ chỉ có vai trò phụ trợ trong quá trình sản xuất kinh doanh được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng chất lượng của sản phẩm, hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường, hoặc để phục vụ cho yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu*: là thứ để tạo ra năng lượng cung cấp nhiệt lượng bao gồm các loại ở thể rắn, lỏng, khí dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm cho các phương tiện vận tải máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như: xăng, dầu, than... Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ để tách thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế*: bao gồm các loại phụ tùng, chi tiết dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất phương tiện vận tải.

- *Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản*: là các vật liệu, thiết bị phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản, tái tạo tài sản cố định.

- *Phế liệu thu hồi*: là những loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất để sử dụng hoặc bán ra ngoài.

Việc phân chia này giúp cho doanh nghiệp tổ chức các tài khoản chi tiết dễ dàng hơn trong việc quản lý và hạch toán nguyên vật liệu. Tuy nhiên do quá trình sản xuất cụ thể được tiến hành ở các doanh nghiệp khác nhau nên việc phân loại nguyên vật liệu như trên chỉ mang tính chất tương đối.

Ngoài ra có thể phân loại nguyên vật liệu theo các loại sau:

- *Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành.*
 - + Nguyên vật liệu mua ngoài: Là những vật liệu sử dụng cho sản xuất kinh doanh được doanh nghiệp mua ngoài thị trường trong nước hoặc mua nhập khẩu.
 - + Nguyên vật liệu từ gia công chế biến.
 - + Nguyên vật liệu thuê ngoài gia công sản xuất.
 - + Nguyên vật liệu nhận góp vốn.
 - + Vật liệu được biếu tặng, cấp phát.
- *Căn cứ vào chức năng nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất thì nguyên vật liệu bao gồm:*
 - + Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho chế tạo sản phẩm và sản xuất.
 - + Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất, cho nhu cầu bán hàng quản lý doanh nghiệp.
- *Căn cứ vào quan hệ sở hữu:*
 - + Nguyên vật liệu tự có: Bao gồm tất cả những vật liệu thuộc sở hữu của doanh nghiệp.
 - + Nguyên vật liệu nhận gia công chế biến cho bên ngoài.
 - + Nguyên vật liệu nhận giữ hộ.

1.1.4.2. Đánh giá nguyên vật liệu.

Đánh giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất. Về nguyên tắc, nguyên vật liệu nằm trong giá thành sản phẩm đồng thời nó còn thuộc tài sản lưu động nằm trong bảng cân đối kế toán. Vì vậy phải đánh giá nguyên vật liệu chính xác để đảm bảo tính chính xác của giá thành và thông tin trên bảng cân đối kế toán, nguyên vật liệu được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo theo một nguyên tắc cơ bản đánh giá theo giá trị vốn thực tế.

Đánh giá nguyên vật liệu phải tuân thủ những nguyên tắc:

- *Nguyên tắc giá gốc*: Áp dụng Điều 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính: “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn đơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

- + *Giá gốc hàng tồn kho bao gồm*: Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện có.
- + *Giá trị thuần có thể thực hiện được*: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế.

- *Nguyên tắc nhất quán*: Các chính sách và phương pháp kế toán mà doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- *Nguyên tắc thận trọng*: Nguyên vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

a) Tính giá nguyên vật liệu theo giá thực tế.

❖ Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập:

• Đối với nguyên vật liệu nhập kho mua ngoài:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL mua} \\ \text{ngoài nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các loại thuế} \\ \text{không hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên} \\ \text{quan trực tiếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu thương} \\ \text{mại, giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn :
- + Trường hợp giá thực tế NVL mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa thuế GTGT.
- + Trường hợp NVL mua vào sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán).
- Các loại thuế không hoàn lại như: thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,...
- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...đối với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được cộng vào giá trị thực tế của NVL.
- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

• Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá NVL thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá NVL xuất gia công chế biến} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia công chế biến} \end{array}$$

• Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển bốc dỡ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

- **Đối với nguyên vật liệu được cấp:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo biên bản} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển bốc} \\ \text{xếp bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

- **Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thỏa thuận do các bên} \\ \text{xác nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí tiếp nhận} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- ❖ **Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.**

Theo chuẩn mực số 02 về hàng tồn kho ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho NVL tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động yêu cầu trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp nhập sau xuất trước.
- Phương pháp thực tế đích danh.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 200 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp có chỉnh sửa lại so với chế độ kế toán cũ về các phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho chỉ còn bao gồm ba phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp thực tế đích danh.

Do phần thực trạng công tác kế toán tại đơn vị được minh họa cho năm 2014 nên phần lý luận đi sâu trình bày bốn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho trong doanh nghiệp theo chế độ cũ trước khi công ty áp dụng Thông tư 200.

- ***Phương pháp bình quân gia quyền.***

Theo phương pháp này, trị giá xuất của nguyên vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 3 phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:*

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ}}$$

+ Ưu điểm : Phương pháp này cho phép giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán vì giá vật liệu xuất kho tính khá đơn giản, cung cấp thông tin kịp thời tình hình biến động của vật liệu trong kỳ.

+ Nhược điểm: Độ chính xác của việc tính giá phụ thuộc tình hình biến động giá cả vật liệu. Trường hợp giá cả thị trường nguyên vật liệu có sự biến động lớn thì việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này trở nên thiếu chính xác.

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:*

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu.

+ Nhược điểm: Đồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

+ Phạm vi áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

➤ Phương pháp bình quân liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập):

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng nguyên vật liệu để tính giá nguyên vật liệu xuất.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu nhập kho sau lần } i}{\text{Số lượng nguyên vật liệu nhập kho sau lần nhập thứ } i}$$

+ Ưu điểm: Phương pháp này cho giá NVL xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

+ Nhược điểm: Công việc tính toán phức tạp và nhiều, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

+ Phạm vi áp dụng: phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

• **Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO).**

Theo phương pháp này, giá thực tế vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập trước thì xuất trước. Vì vậy lượng nguyên vật liệu xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính giá thực tế theo lần nhập đó.

+ Ưu điểm: Phương pháp này đơn giản, dễ làm, tương đối hợp lý và chính xác.

+ Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do chi phí NVL nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy, chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hay có xu hướng giảm xuống.

• **Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO).**

Theo phương pháp này, giá thực tế vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập kho sau thì xuất trước. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận mang tính chất an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên.

+ Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu, làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp có lợi về

thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng giảm, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

+ Nhược điểm: Phương pháp này làm thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp lạm phát.

• **Phương pháp thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được xác định theo giá đơn chiếc hay từng lô, khi xuất nguyên vật liệu nào sẽ tính theo giá nhập thực tế của nguyên vật liệu đó.

+ Ưu điểm: Xác định được chính xác giá của nguyên vật liệu xuất, làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

+ Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi, công việc của kế toán chi tiết nguyên vật liệu sẽ rất phức tạp.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít và nhận diện được từng lô hàng.

b) Tính giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.

Đối với những doanh nghiệp có nhiều loại nguyên vật liệu, nghiệp vụ nhập – xuất vật liệu diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức. Do đó việc hạch toán hàng ngày doanh nghiệp nên sử dụng giá hạch toán. Giá hạch toán là giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng giá thực tế cuối kỳ trước hoặc giá kỳ này để làm giá hạch toán. Cuối kỳ kế toán phải tính chuyển giá hạch toán của nguyên vật liệu xuất và tồn kho theo giá thực tế như sau:

$$\text{Giá thực tế vật liệu xuất dùng (hoặc tồn kho cuối kỳ)} = \frac{\text{Giá hạch toán vật liệu xuất dùng}}{\text{Giá thực tế cuối kỳ trước}} \times \text{Hệ số giá vật liệu}$$

Trong đó, hệ số giá vật liệu có thể tính cho từng loại hay từng thứ vật liệu chủ yếu tùy thuộc vào yêu cầu và trình độ quản lý:

$$\text{Hệ số giá vật liệu} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế vật liệu nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán vật liệu nhập kho trong kỳ}}$$

1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Tùy thuộc vào đặc điểm của từng doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp sau:

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.

Theo phương pháp này, để hạch toán chi tiết nghiệp vụ nhập – xuất – tồn kho vật liệu, tại kho, thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về mặt số lượng và phòng kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép cả về mặt số lượng lẫn giá trị. Cụ thể:

a) *Tại kho:* Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho trên thẻ kho.

b) *Tại phòng kế toán:* Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất, tồn kho do thủ kho gửi lên, kế toán tiến hành kiểm tra, hoàn chỉnh chứng từ và căn cứ vào các chứng từ đó để ghi vào sổ chi tiết vật liệu.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để làm Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa:

- + Sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho.
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu với sổ kế toán tổng hợp.
- + Đối chiếu số liệu trên Sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

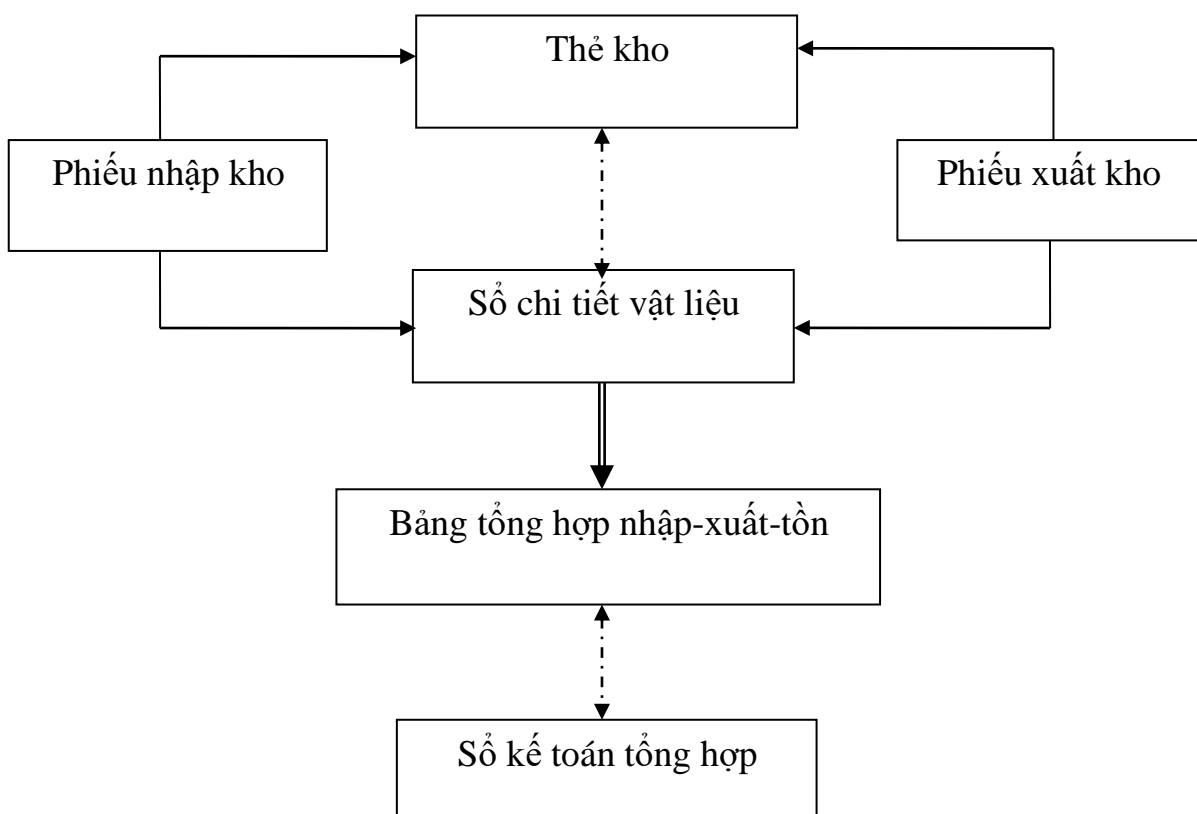
- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép. Quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số lượng hiện có của từng vật liệu và giá trị của chúng.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên, hằng ngày.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

- Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song được khái quát bằng Sơ đồ 1.1 sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 - ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 - <-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

a) *Tại kho*: Thủ kho sử dụng thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất, thủ kho ghi số lượng vật liệu thực nhập và thực xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng.

b) *Tại phòng kế toán*: Để theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu cả về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng vật liệu riêng hoặc có thể lập “Bảng kê nhập” và “Bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

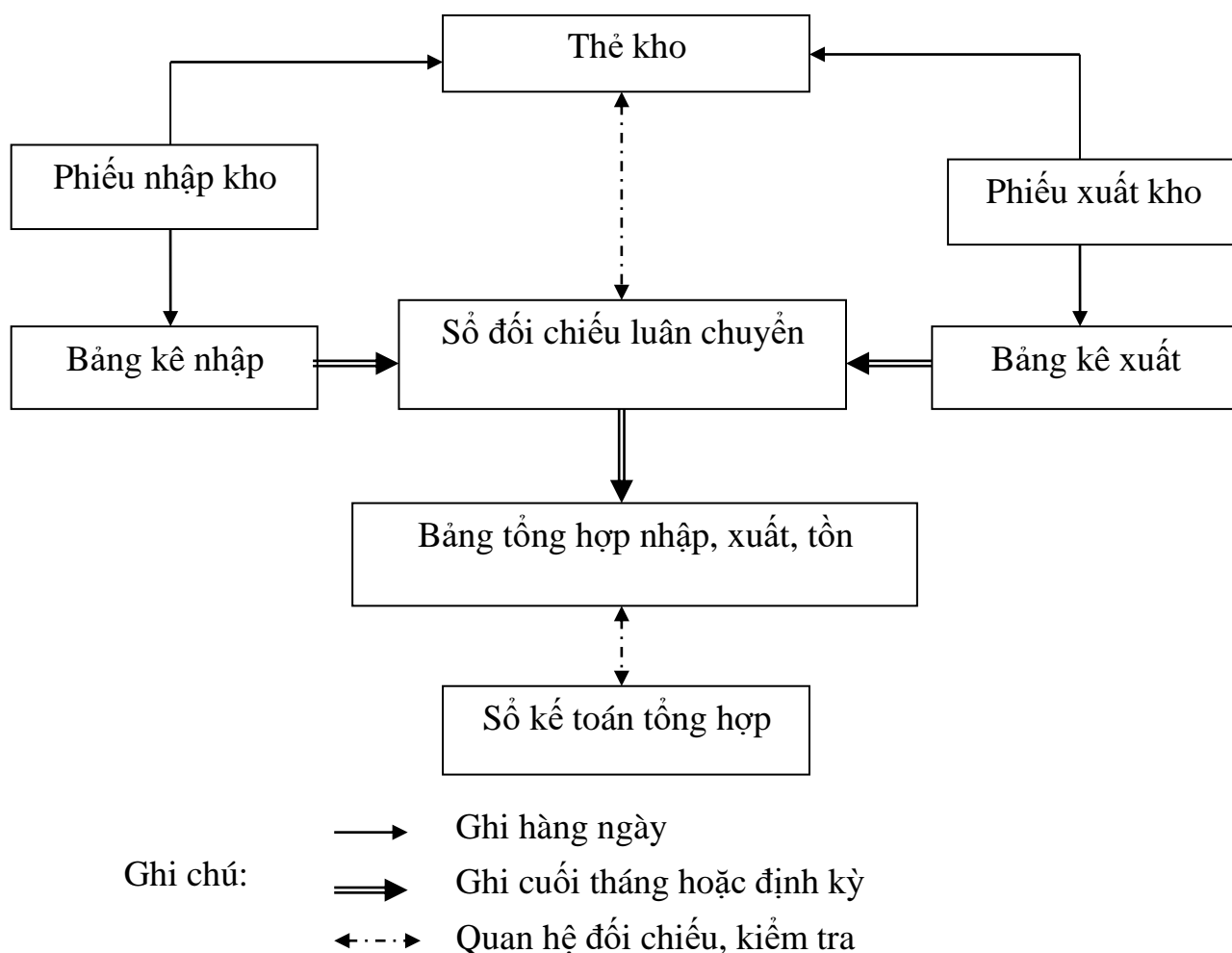
- Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi vào một lần cuối tháng.

- Nhược điểm: Vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa thủ kho và phòng kế toán, công việc dồn vào cuối tháng sẽ gây chậm số liệu, hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên của phòng kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

- Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được khái quát bằng Sơ đồ 1.2 sau:

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư.

a) *Tại kho:* Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vào sổ số dư.

b) *Tại phòng kế toán:* Kế toán dựa vào số lượng nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu tổng hợp từ các chứng từ nhập xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra định kỳ 3 đến 5 hoặc 10 ngày một lần kèm theo “Phiếu giao nhận chứng từ” và giá hạch toán để tính trị giá thành tiền nguyên vật liệu nhập, xuất theo từng danh điểm, từ đó ghi vào “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn” (Bảng này được mở theo từng kho).

Cuối tháng, tiến hành tính tiền trên “Sổ số dư” do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho trên “Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn”.

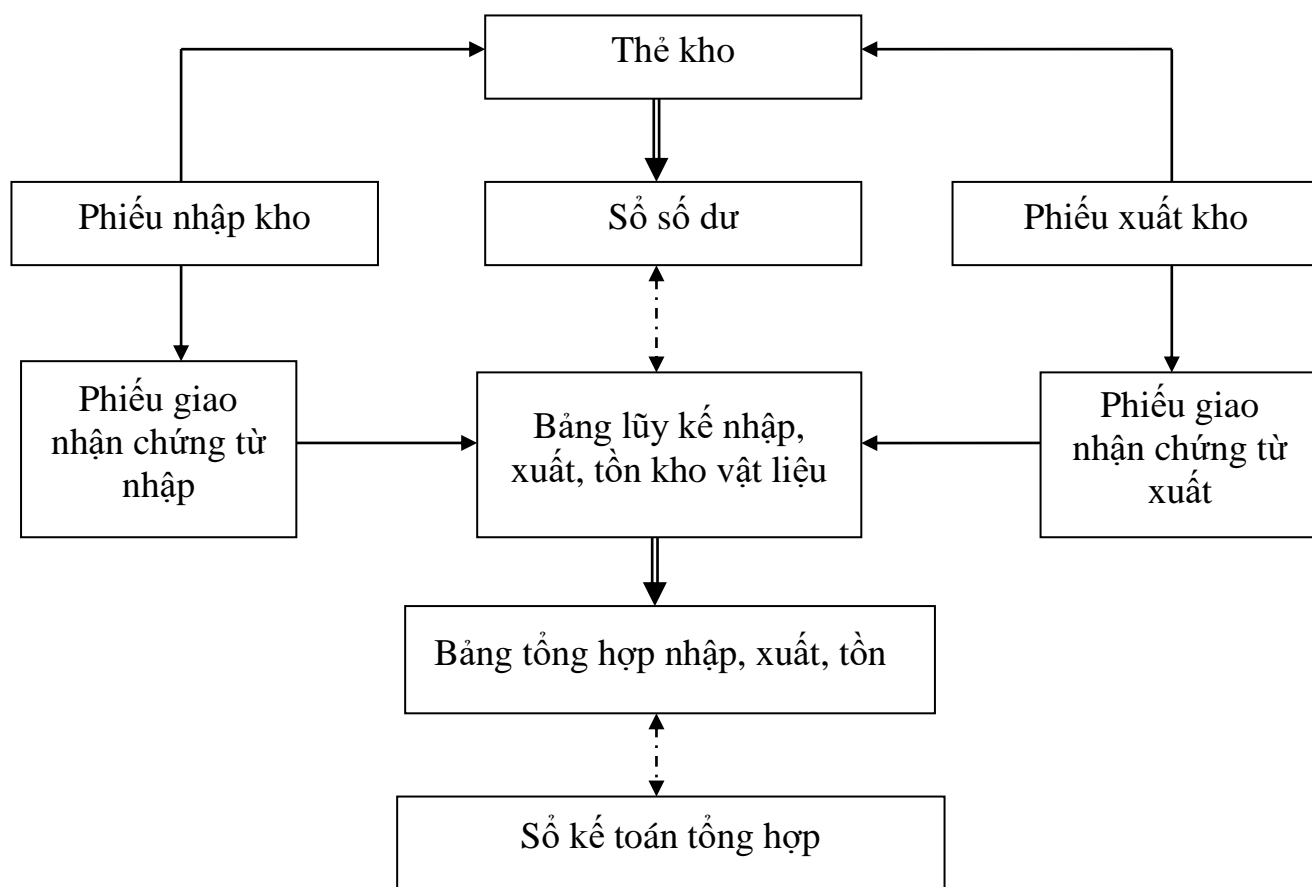
- Ưu điểm: Giảm nhẹ khối lượng ghi chép hàng ngày, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán với việc nhập, xuất nguyên vật liệu hàng ngày.

- Nhược điểm: Nếu có sai sót khó phát hiện, khó kiểm tra và đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải khá nếu không sẽ dẫn đến sai sót.

- Điều kiện áp dụng: Vật tư có nhiều chủng loại, các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt.

- Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư được khái quát bằng Sơ đồ 1.3 sau:

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày
 ==→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 <---> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp và được nhập xuất kho thường xuyên, tuy nhiên theo đặc điểm nguyên vật liệu của từng doanh nghiệp mà có phương thức kê khai khác nhau. Có doanh nghiệp thực hiện kê khai theo từng nghiệp vụ xuất nhập nhưng có những doanh nghiệp chỉ kê khai một lần vào thời điểm cuối kỳ. Tương ứng với hai phương thức kê khai trên, trong hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và hạch toán hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp là: kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dùng để phản ánh số hiện có tình hình biến động làm tăng giảm nguyên vật liệu. Vì vậy giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và giải pháp xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp,...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng hóa chất lượng cao.

a) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03 – VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04 – VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05 – VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06 – VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (Mẫu 07 – VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT3/001)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT3/001)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03XKNB3/001)

b) Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 152 : “Nguyên vật liệu”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp.
- Kết cấu tài khoản 152:

Bên nợ: Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, nhận vốn góp liên doanh, được cấp dịch vụ từ các nguồn khác.

Bên có:

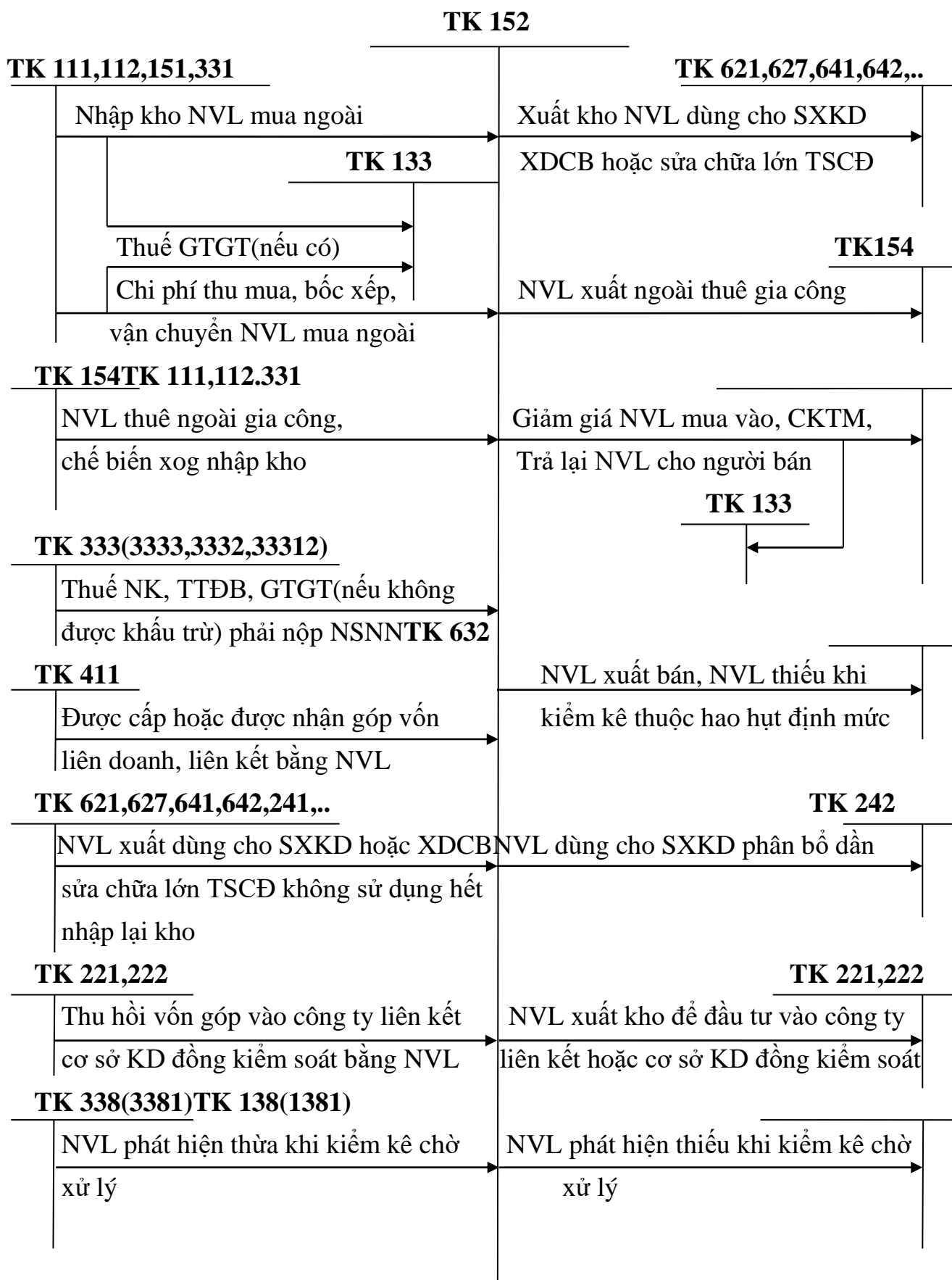
- Phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát khi kiểm kê.

Dư nợ: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

c) Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên Sơ đồ 1.4 sau:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi tổ chức liên tục tình hình nhập xuất vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho tương ứng mà giá trị hàng hoá nguyên vật liệu mua vào chỉ được phản ánh trên TK611: “Mua hàng”. Còn các tài khoản NVL tồn kho chỉ dùng để phản ánh NVL tồn kho lúc đầu kỳ và cuối kỳ. Hơn nữa, giá NVL tồn kho lại không căn cứ vào số liệu trên các tài khoản, sổ kế toán mà lại căn cứ vào kết quả kiểm kê. Song song với việc mua vào là quá trình xuất kho nguyên vật liệu cũng không căn cứ trực tiếp vào chứng từ xuất kho để tổng hợp phân loại theo các đối tượng sử dụng rồi ghi sổ mà căn cứ vào kết quả kiểm kê lúc cuối kỳ và được tính theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá} \\ \text{xuất kho} & = & \text{hàng tồn} & + & \text{nhập kho} & - & \text{hàng tồn} \\ \text{trong kỳ} & & \text{kho đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{matrix}$$

a) Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 611: “Mua hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. TK 611 không có số dư và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6111: “Mua nguyên vật liệu”

+ TK 6112: “Mua hàng hóa”

- Kết cấu tài khoản 6111 – Mua nguyên vật liệu:

Bên nợ:

- Kết chuyển giá nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá nguyên vật liệu mua vào trong kỳ.

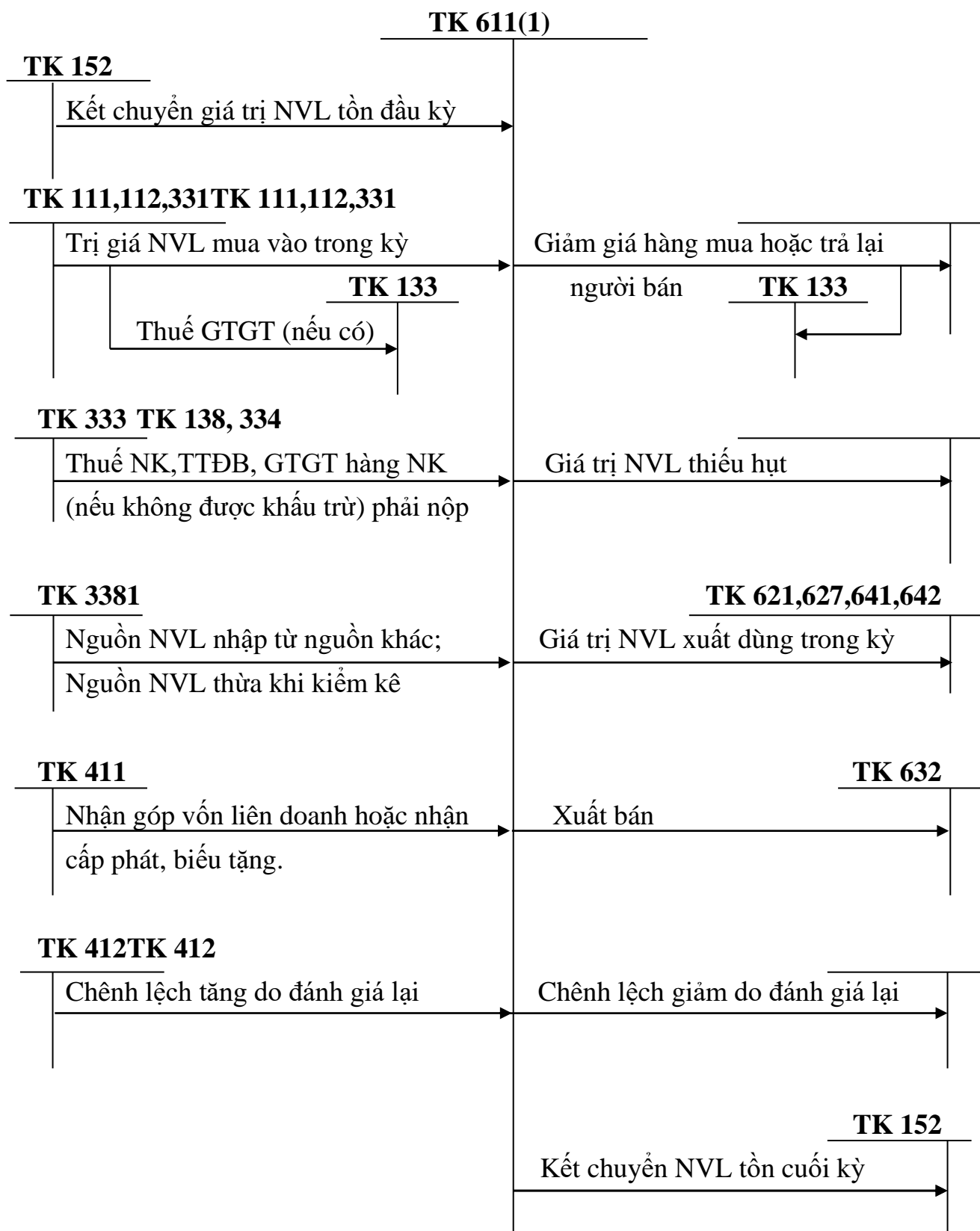
Bên có:

- Kết chuyển giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.
- Giá nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

b) Phương pháp hạch toán:

Theo phương pháp này, sự biến động của nguyên vật liệu được tổng hợp qua Sơ đồ 1.5 sau:

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Theo thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 05/02/2015 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ. Trường hợp không tự xây dựng có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo phụ lục 4 ban hành kèm theo thông tư 200.

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập – xuất – tồn, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán. Mỗi hình thức có hệ thống sổ sách riêng, các hình thức hạch toán riêng.

Sổ sách kế toán được vận dụng tương ứng với năm hình thức ghi sổ kế toán, bao gồm:

- *Hình thức nhật ký chung.*
- *Hình thức nhật ký - sổ cái.*
- *Hình thức nhật ký - chứng từ.*
- *Hình thức chứng từ ghi sổ.*
- *Hình thức kế toán trên máy vi tính.*

Dưới đây bài viết đi vào trình bày cụ thể quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung và hình thức kế toán trên máy vi tính mà có liên quan đến thực tiễn đang được áp dụng tại đơn vị ở chương 2.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

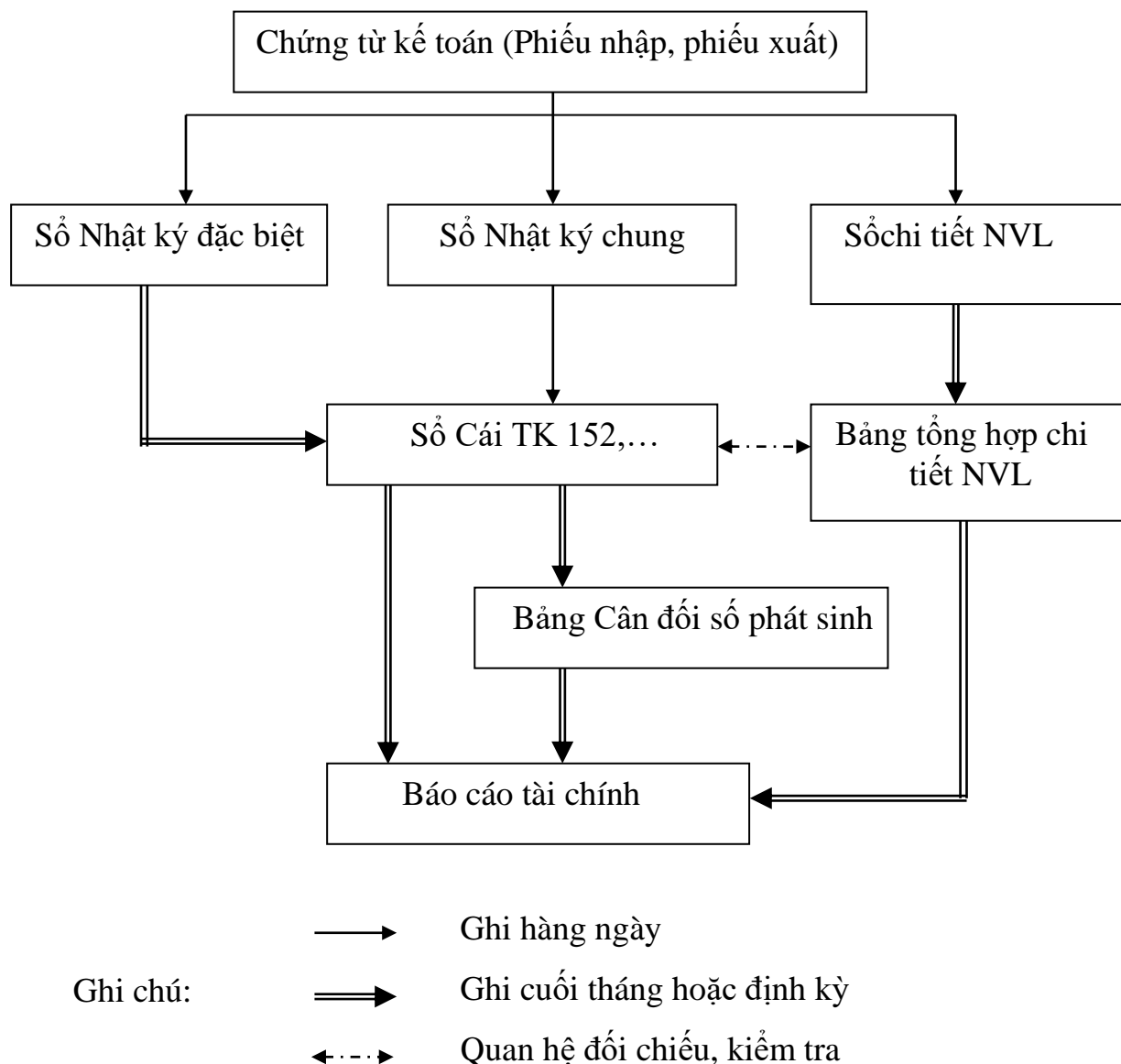
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký chung mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức sổ nhật ký chung bao gồm các sổ chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt.
- + Sổ cái.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Đây là hình thức được công ty áp dụng trong việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh. Sau đây là sơ đồ phản ánh trình tự luân chuyển chứng từ của hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 1.6):

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.

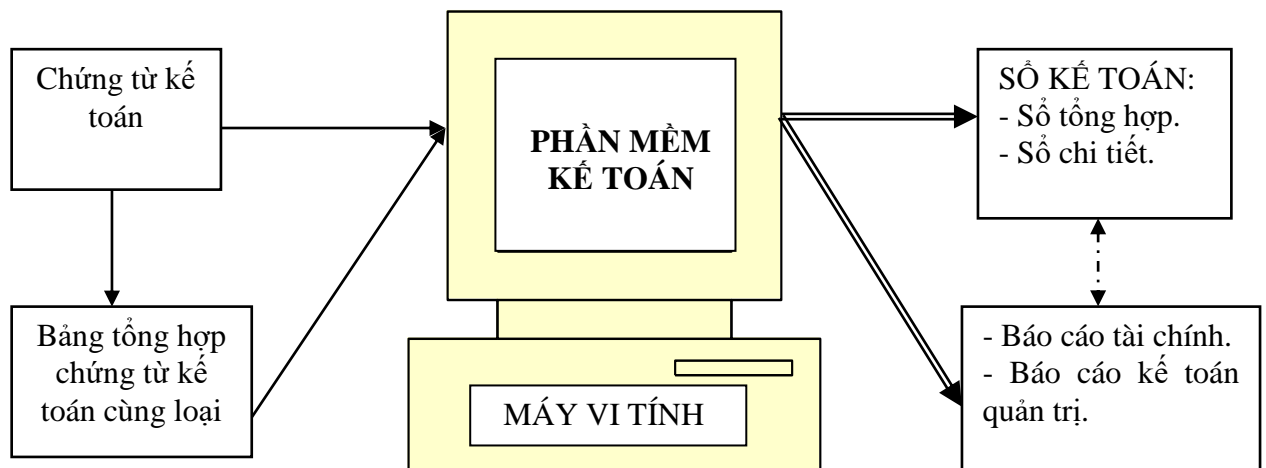


1.3.2. Hình thức kế toán trên máy vi tính

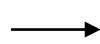
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chu trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính được thể hiện cụ thể qua sơ đồ 1.7 sau:

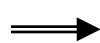
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



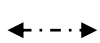
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2.****2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Lisemco 2.**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần LISEMCO 2.

Tên viết tắt: LISEMCO 2 JSC.

Tên tiếng Anh: LISEMCO 2 JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính: Km35 – Quốc lộ 10 – Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.922.786 – Fax: 0313.922.786

Mã số thuế: 0200786983 – Website: www.lisemco2.com

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần LISEMCO 2 là thành viên của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) được thành lập ngày 01/02/2008, tách ra từ Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng (LISEMCO). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/02/2008 (đã thay đổi lần thứ 11 ngày 03/11/2015) và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008.

Tháng 03/2008, Công ty cổ phần Lisemco 2 chính thức đi vào hoạt động. Thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giàu kinh nghiệm, năng động, đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật giỏi, chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân đầy nhiệt huyết, yêu nghề, nhiều thợ hàn và các thợ lành nghề khác đạt chứng chỉ quốc tế và đã từng tham gia nhiều công trình lớn, trọng điểm tại Việt nam, Công ty cổ phần Lisemco 2 hiện có 02 cơ sở với 02 nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép hiện đại có tổng diện tích 250.000m² và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm. Hàng trăm tấn sản phẩm cơ khí phi tiêu chuẩn, trong đó có nhiều thiết bị đòi hỏi kỹ thuật và công nghệ cao cho các khách hàng thuộc lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện, xi măng, hóa dầu... đã được xuất xưởng với chất lượng cao, doanh thu không ngừng tăng, đời sống cán bộ công nhân viên được cải thiện. Bên cạnh đó, Lisemco 2 còn có một nhà máy mạ kẽm với trang thiết bị máy móc

hiện đại cho ra đời những sản phẩm mạ kẽm với chất lượng cao, thỏa mãn khách hàng. Ngoài ra, Lisemco 2 thành lập một Công ty liên doanh tái chế vật liệu bọc lót bằng cao su với ASTIC - Nhật Bản, tại cùng địa chỉ.

Hiện nay, Công ty cổ phần Lisemco 2 đang đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn. Lisemco 2 đang tham gia các dự án trọng điểm của quốc gia.

Công ty cổ phần Lisemco 2 có đủ năng lực và kinh nghiệm làm Thầu chính xây lắp các dự án nhà máy điện, nhà máy xi măng, nhà máy hóa chất... Tham gia liên danh với các đối tác trong và ngoài nước làm Tổng thầu xây lắp các nhà máy, dự án lớn với phương châm: “An toàn – Chất lượng – Tiến độ - Hiệu quả”. Công ty cổ phần Lisemco 2 đã trở thành địa chỉ tin cậy của nhiều công ty, nhiều nhà thầu trong và ngoài nước như: JEL (Singapore), Marubeni, Toshiba, ShinMaywa, IHI (Nhật bản), Tập đoàn Hyundai (Hàn quốc), Toyo (Thái lan),... Đến nay Công ty cơ bản đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, các hạng mục, công trình đã được đưa vào sử dụng, khai thác hiệu quả. Sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước xây dựng được thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.

Công ty Cổ phần Lisemco 2 hoạt động trong các lĩnh vực:

- Tư vấn - thiết kế:

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...

Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: Autocad, Tekla, CP Manager, Autonet, FabTrol Pro, các phần mềm pha cắt...

- Gia công chế tạo.

Gia công chế tạo: kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, các loại nhà thép tiền chế, cột thép, ống công nghệ hạ áp và cao áp, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, công ten nơ...

- Cung cấp.

Cung cấp: các sản phẩm mạ kẽm, kết cấu thép, bu lông, vật tư sắt thép, dây hàn, vật liệu bọc lót chống mài mòn.

- Xây lắp.

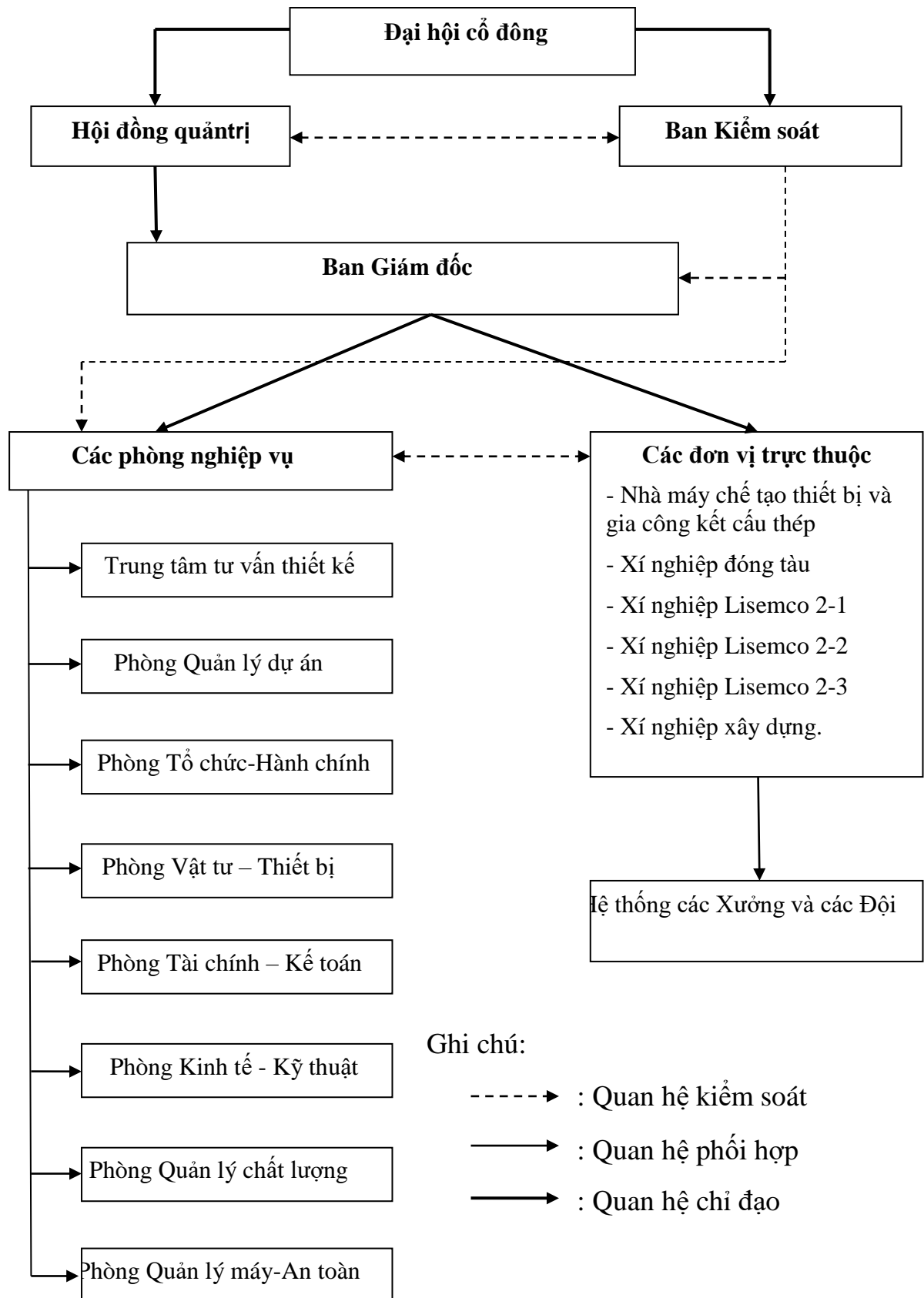
Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng...

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý.

- *Mô hình tổ chức quản lý.*

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các phòng, ban, nhà máy, xí nghiệp trực thuộc và các đơn vị thi công. Cụ thể được thể hiện theo Sơ đồ 2.1:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Lisemco 2.



- **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.**

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền được biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền có quyền ra những quyết định ảnh hưởng lớn đến lợi ích của công ty.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có quyền điều hành mọi hoạt động của công ty.

- **Ban Giám đốc:** do Hội đồng quản trị đề cử, đại diện thường trực của hội đồng quản trị, quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh, theo chiến lược và kế hoạch của hội đồng quản trị.

- **Trung tâm tư vấn thiết kế:** thực hiện nghiệp vụ nghiên cứu và phát triển thị trường, marketing và quảng bá thương hiệu của công ty; tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước về sản phẩm gia công chế tạo, lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng cũng như kinh doanh thương mại; nghiên cứu, lập cơ sở dữ liệu về các loại đơn giá, định mức cho các loại vật tư, hàng hóa, dịch vụ từ các nguồn cung cấp trong nước và nước ngoài phục vụ công tác xây dựng giá chào thầu; tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý thông tin, thực hiện lập hồ sơ thầu, báo giá; chủ trì công tác đàm phán thương thảo hợp đồng; tiếp nhận và bàn giao các hợp đồng đã ký cho các đơn vị liên quan.

- **Phòng Quản lý dự án:** Chịu trách nhiệm thay mặt Tổng giám đốc điều hành toàn bộ các công tác thực hiện, triển khai dự án từ khi tiếp nhận hợp đồng, tổ chức bộ máy cho đến khi hoàn thành công trình, quyết toán, thanh lý hợp đồng.

- **Phòng Tổ chức – Hành chính:** cung cấp nguồn nhân lực, đào tạo nhân lực, quản lý và tác nghiệp về tiền lương và chế độ, thực hiện các công tác về hành chính quản trị.

- **Phòng Vật tư – Thiết bị:** tìm kiếm, khai thác nguồn cung cấp hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh; mua sắm vật tư, thiết bị, dụng cụ,.. phục vụ sản xuất; vận chuyển, giao hàng vật tư, thiết bị đúng tiến độ phục vụ sản xuất lắp đặt các dự án; xây dựng danh sách các nhà cung cấp tiềm năng phục vụ các hoạt động mua sắm hàng hóa và dịch vụ; quản lý các nhà cung cấp, các nhà thầu phụ cung cấp dịch vụ vận chuyển, thông quan, giám định.. liên quan đến công tác mua sắm hàng hóa; lập và thực hiện kế hoạch định kỳ về việc cung ứng vật tư, thiết bị, dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh; phối hợp với các phòng ban chức năng của Công ty trong việc nhập, xuất và kiểm tra chất lượng hàng hóa.

- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc, phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

- **Phòng Kinh tế - Kỹ thuật:** giám sát, đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra một cách có hiệu quả, tham mưu các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất.

- **Phòng Quản lý – Chất lượng:** lập, kiểm tra, hướng dẫn, thống nhất với các đơn vị thi công, nhà thầu phụ về quy trình, biểu mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm; tiếp nhận, lưu, kiểm soát các hồ sơ liên quan đến quản lý chất lượng do khách hàng cấp phục vụ sản xuất, phân phối cho các đơn vị liên quan theo yêu cầu của Tổng giám đốc, giám đốc dự án.

- **Phòng Quản lý máy và An toàn:** quản lý máy móc, đảm bảo cung cấp đầy đủ máy móc cho hoạt động sản xuất, thực hiện công tác đảm bảo an toàn trong lao động, tránh những tai nạn đáng tiếc.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

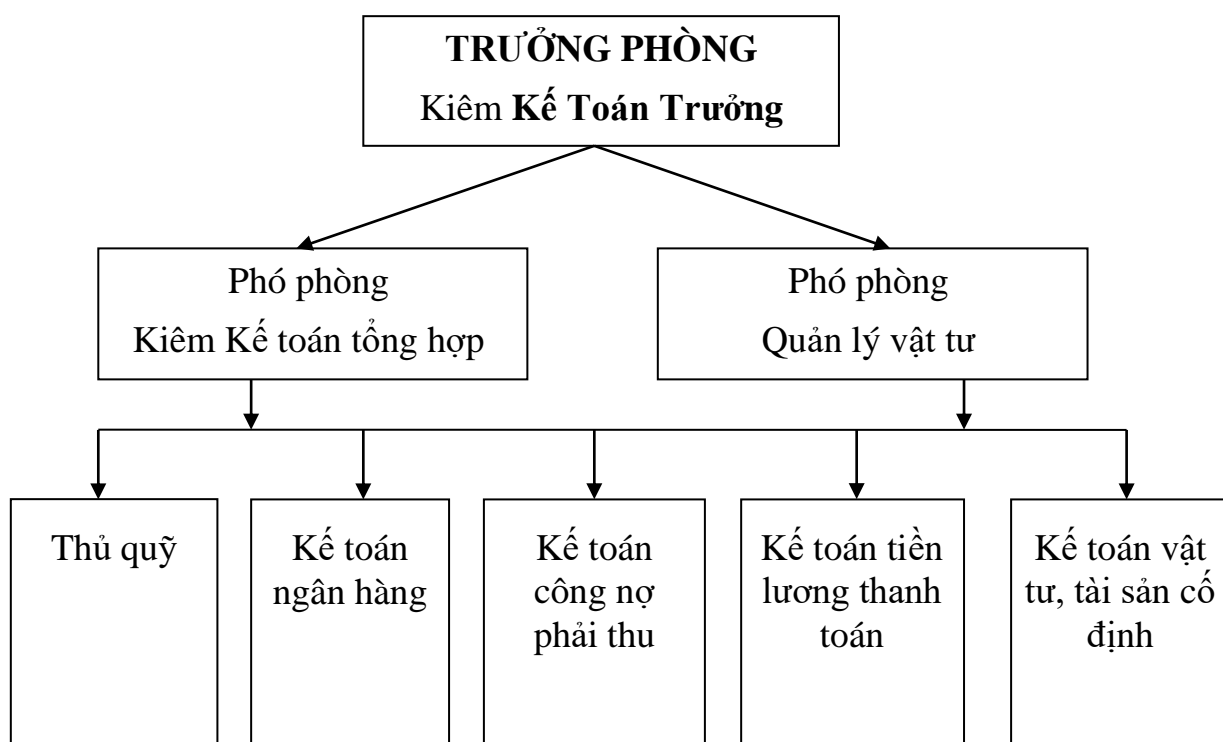
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

- **Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.**

Tổ chức bộ máy kế toán công ty theo hình thức tập trung chuyên sâu, mỗi người trong phòng kế toán phụ trách một công việc nhất định. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ chiến lược ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty. Từ đó tham mưu cho Ban Giám đốc để đề ra biện pháp các quy định phù hợp với đường lối phát triển của công ty. Do vậy, công tác kế toán tại công ty là tương đối hoàn chỉnh, không bị chồng chéo lên nhau.

Cụ thể mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 2 được thể hiện qua Sơ đồ 2.2 sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 2.



• **Chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên.**

- Đứng đầu bộ máy kế toán là **Trưởng phòng kế toán - Kế toán trưởng**: Kế toán trưởng liên hệ chặt chẽ với Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, tham mưu cho Ban Giám đốc về các chính sách Tài chính - Kế toán của Công ty, ký duyệt các tài liệu kế toán, phổ biến chủ trương và chỉ đạo thực hiện chủ trương về chuyên môn, đồng thời yêu cầu các bộ phận chức năng khác trong bộ máy quản lý ở đơn vị cùng phối hợp thực hiện những công việc chuyên môn có liên quan tới các bộ phận chức năng; chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của phòng trước Ban Giám đốc; quản lý, điều hành và giao nhiệm vụ cụ thể cho nhân viên trong phòng thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ chung của phòng; kiểm tra, giám sát thu – chi tài chính; tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình quản lý và thực hiện các nhiệm vụ theo các chỉ tiêu kinh tế; xây dựng kế hoạch tài chính, phương án quản lý tài chính; tổ chức thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn kiểm tra, đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật.

- **Phó phòng – Kế toán tổng hợp**: quản lý, điều hành và giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhân viên, hạch toán chứng từ kế toán đúng quy định của Bộ Tài chính; tập hợp toàn bộ chứng từ, báo cáo của các kế toán nghiệp vụ; soát xét tất

cả các chứng từ, báo cáo nghiệp vụ của kế toán nghiệp vụ trước khi trình Trưởng phòng và Ban Giám đốc ký duyệt

- **Phó phòng Quản lý vật tư:** kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho; kiểm kê vật tư, hàng hóa hàng quý, theo dõi sản, thành phẩm, vật tư.

- **Thủ quỹ:** giữ quỹ công ty, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ, hợp lý của toàn bộ chứng từ thanh toán bằng tiền mặt trước khi xuất quỹ; hàng ngày kiểm kê quỹ, các khoản thu chi trong ngày và tồn quỹ cuối ngày.

- **Kế toán vật tư và tài sản cố định:** quản lý danh mục vật tư, công cụ dụng cụ và tài sản cố định của công ty; quản lý toàn bộ số lượng và giá trị nhập kho cũng như xuất kho và tồn kho của vật tư, công cụ dụng cụ trong kỳ cho sản xuất và hoạt động khác; theo dõi việc mua sắm, tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định cho từng đối tượng sử dụng.

- **Kế toán tiền lương và thanh toán:** chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên trong toàn công ty; theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu chi cho các đối tượng; tính các khoản trích theo lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn; báo cáo tình hình sử dụng quỹ tiền lương và các quỹ bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn cho cấp trên.

- **Kế toán ngân hàng:** lập ủy nhiệm chi thanh toán; lấy chứng từ, sổ phụ, cập nhật chứng từ ngân hàng vào các sổ sách liên quan; lập các báo cáo theo yêu cầu của ngân hàng, cung cấp số liệu cho ngân hàng.

- **Kế toán công nợ phải thu:** viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty; theo dõi tất cả các công nợ phải thu của khách hàng; thu hồi công nợ; kết hợp với kế toán trưởng tập hợp chứng từ, hồ sơ thanh toán.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam - VND(đồng).

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập

và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

- Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: Bình quân liên hoàn.
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp: kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính thuế: Công ty tính thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là: 20% trong vòng 10 năm kể từ khi công ty đi vào hoạt động (theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216 ngày 26/9/2008 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ, công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp).

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản.

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán.

- ***Hệ thống sổ sách kế toán.***

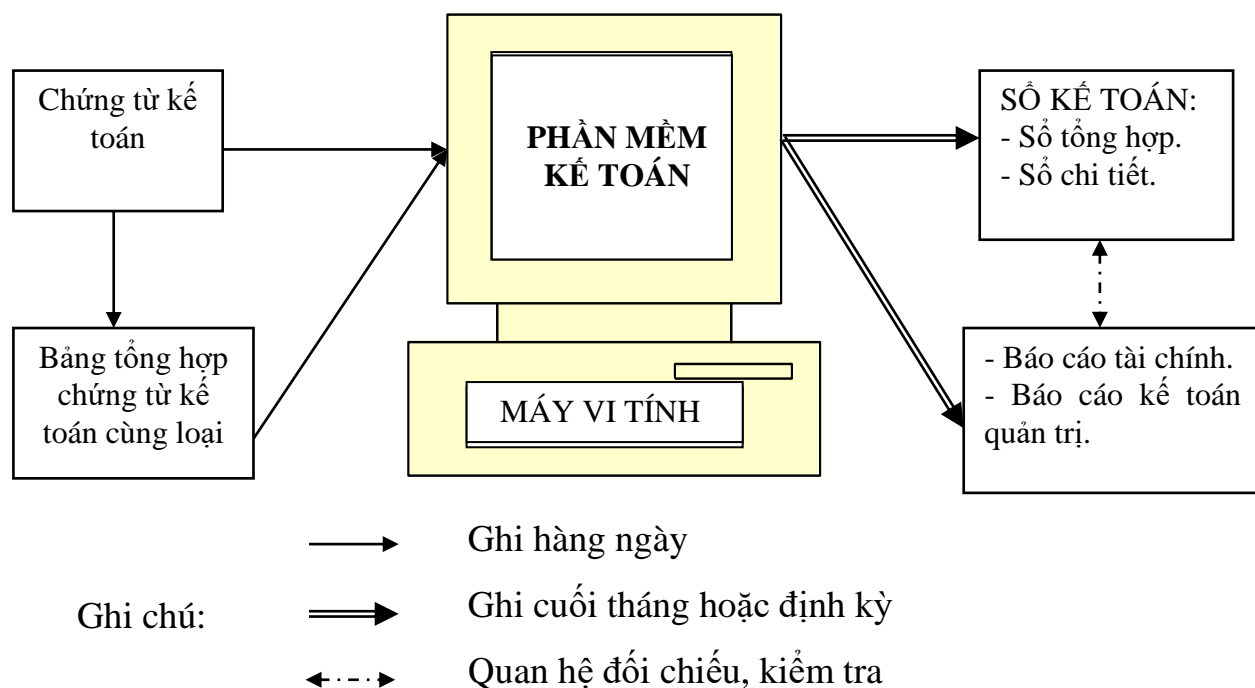
Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống sổ sách kế toán được lập theo quy định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp gồm có: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Các sổ kế toán chi tiết liên quan,...

- ***Hình thức kế toán.***

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính. Sử dụng phần mềm kế toán FTS Accounting. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc hình thức kế toán Nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính được thể hiện cụ thể qua sơ đồ 2.3 sau:

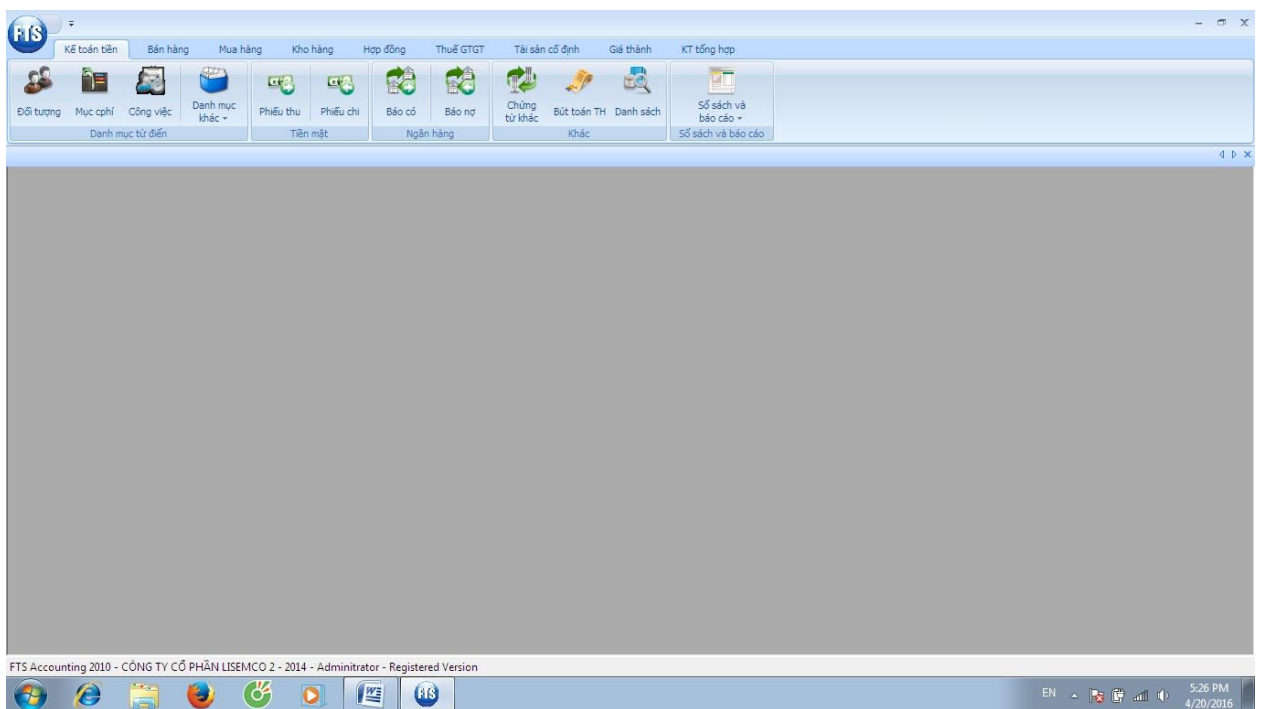
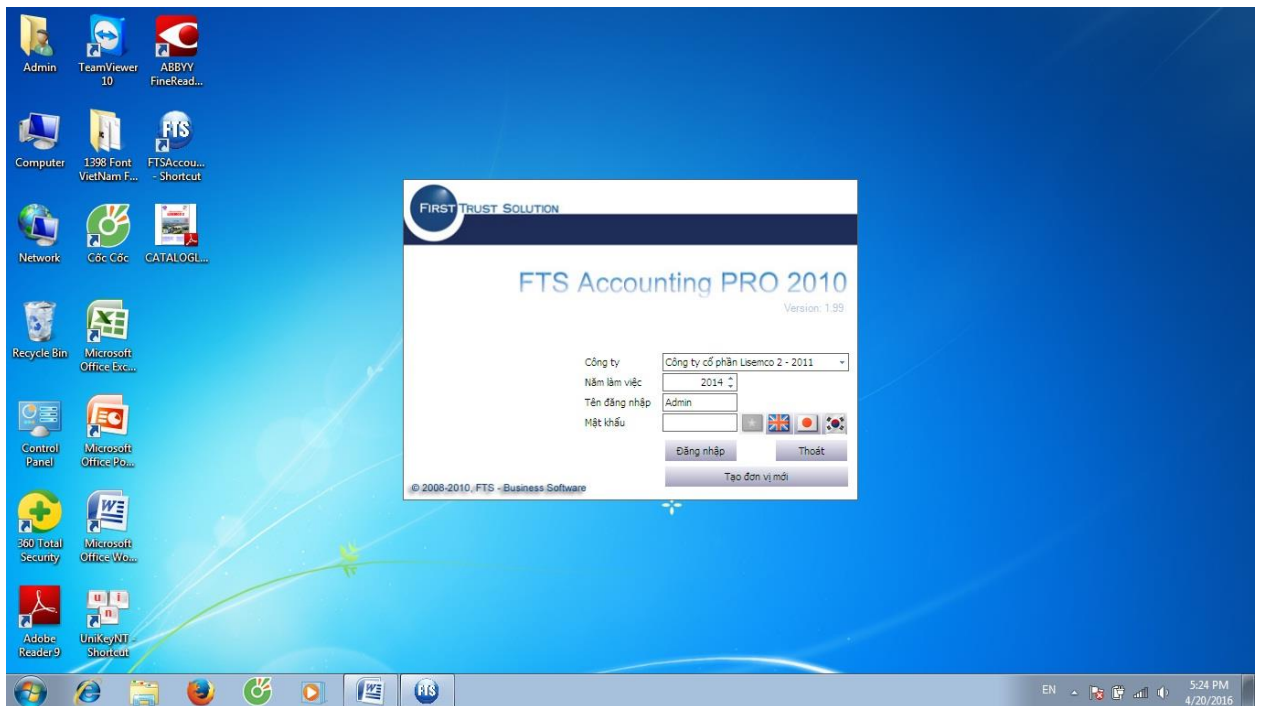
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Công ty Cổ phần Lisemco 2 là doanh nghiệp có quy mô lớn, hàng ngày phát sinh rất nhiều các nghiệp vụ, chứng từ. Chính vì vậy, công ty đã áp dụng hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kế toán của công ty mình là hình thức nhật ký chung và sử dụng phần mềm kế toán FTS Accounting để thuận lợi cho công tác ghi sổ kế toán và tiết kiệm thời gian. Đồng thời giúp giảm thiểu những sai sót thường gặp phải ở phương pháp ghi sổ thủ công. Do vậy, quá trình ghi sổ kế toán lúc này chỉ cần thực hiện một lần bằng cách nhập dữ liệu, phần mềm máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào các sổ sách kế toán có liên quan. Căn cứ vào các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và hoàn thành, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu theo cấu trúc nhập dữ liệu đã được lập trình sẵn của phần mềm kế toán FTS. Máy tính sẽ tự động tổng hợp xử lý thông tin. Cơ sở dữ liệu được lập trình chi tiết đến đối tượng theo yêu cầu của công tác quản trị tại doanh nghiệp. Qua đó, máy sẽ tự động truy xuất thông tin theo yêu cầu lãnh đạo và công tác kế toán. Lập ra sổ sách kế toán các loại như: Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái tài khoản ... theo từng đối tượng và Báo cáo tài chính theo từng niên độ kế toán phục vụ cho công tác quản lý (Thông tin đầu vào Thông tin đầu ra).

❖ Giới thiệu phần mềm kế toán FTS Accounting:

a) Hình ảnh giao diện phần mềm kế toán FTS.



b) Các phân hệ làm việc của FTS Accounting:

FTS Accounting phân hệ nghiệp vụ như sau:

- Phân hệ Kế toán tiền.
- Phân hệ Bán hàng.
- Phân hệ Mua hàng.
- Phân hệ Kho hàng.

- Phân hệ Hợp đồng.
- Phân hệ Thuế GTGT.
- Phân hệ Tài sản cố định.
- Phân hệ Giá thành.
- Phân hệ Kế toán tổng hợp.

c) Thực hiện trên phần mềm kế toán máy.

Bước 1: Khởi động phần mềm FTS Accounting.

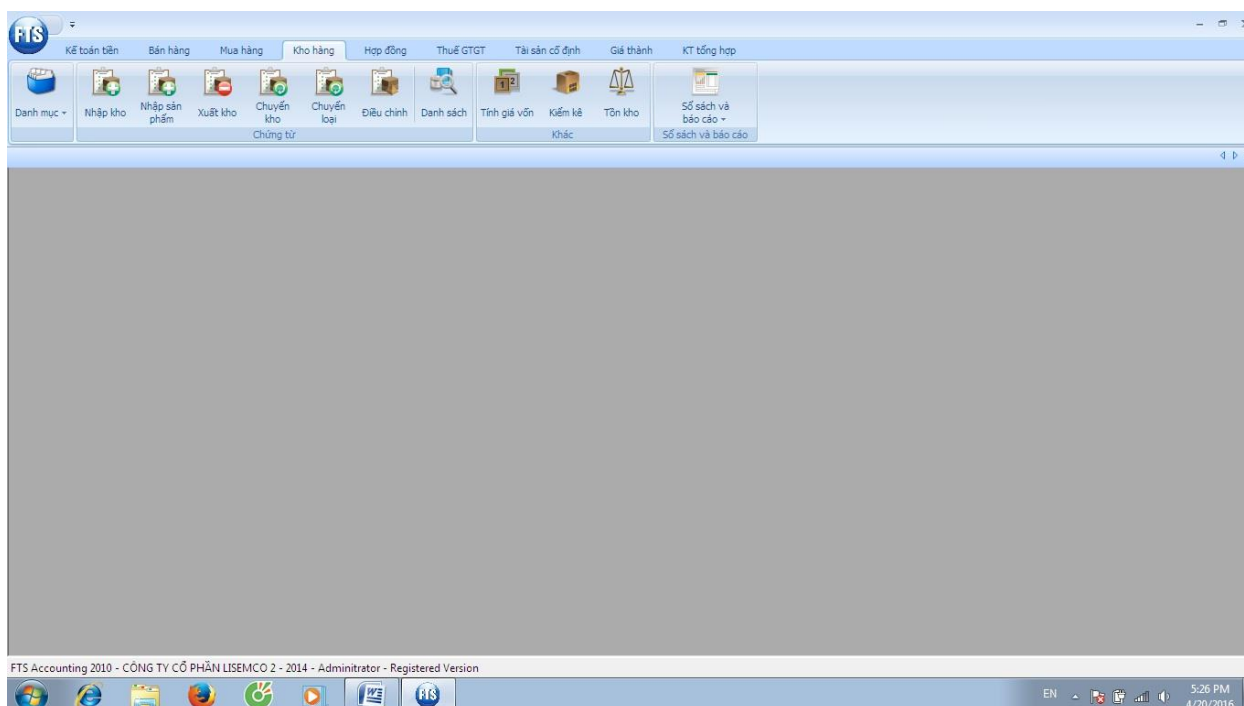
Nháy đúp chuột vào biểu tượng FTS Accounting trên màn hình máy tính. Xuất hiện giao diện đăng nhập, kế toán chọn Năm làm việc, nhập mật khẩu và chọn “Đăng nhập” để bắt đầu làm việc.

Bước 2: Quy trình nhập dữ liệu.

Từ các chứng từ kế toán liên quan của nghiệp vụ, kế toán tùy chọn phân hệ làm việc, chọn mục chứng từ phù hợp trong phần mềm và nhập dữ liệu cho từng mục thông tin.

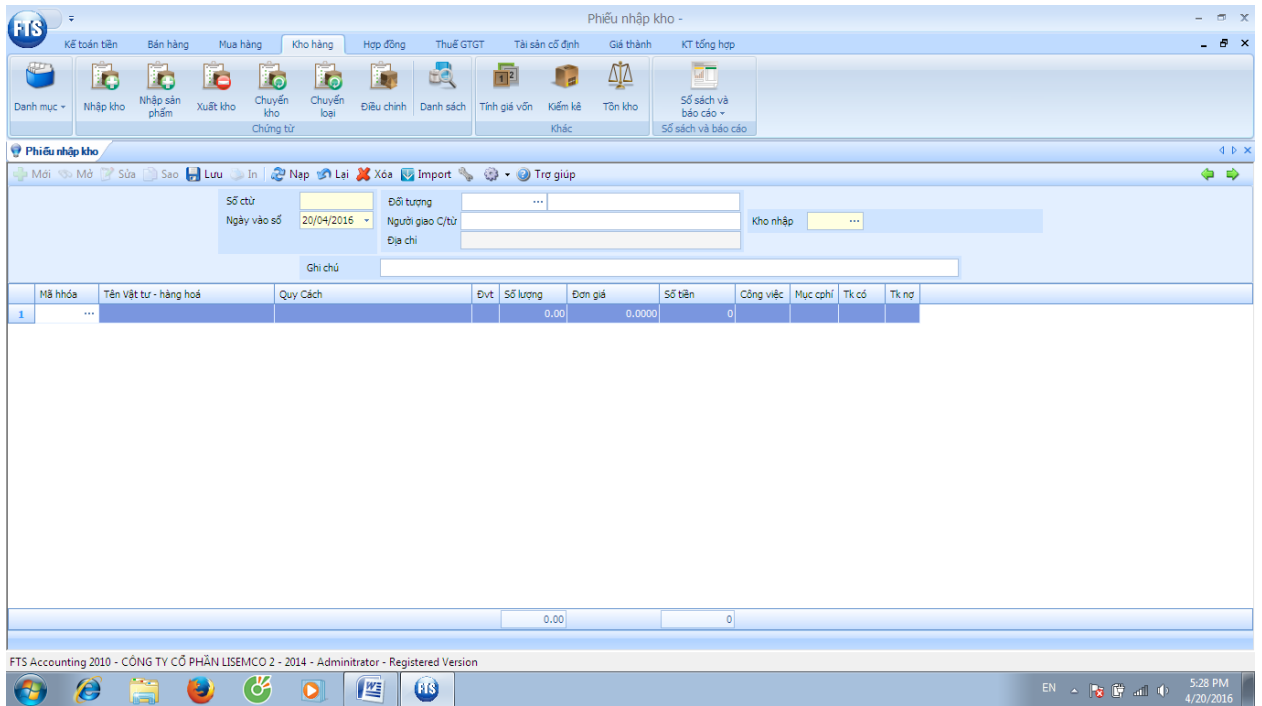
Ví dụ: Phân hệ Kho hàng: Từ các chứng từ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, kế toán chọn vào phân hệ Kho hàng.

Giao diện Phân hệ Kho hàng trên phần mềm FTS Accounting:

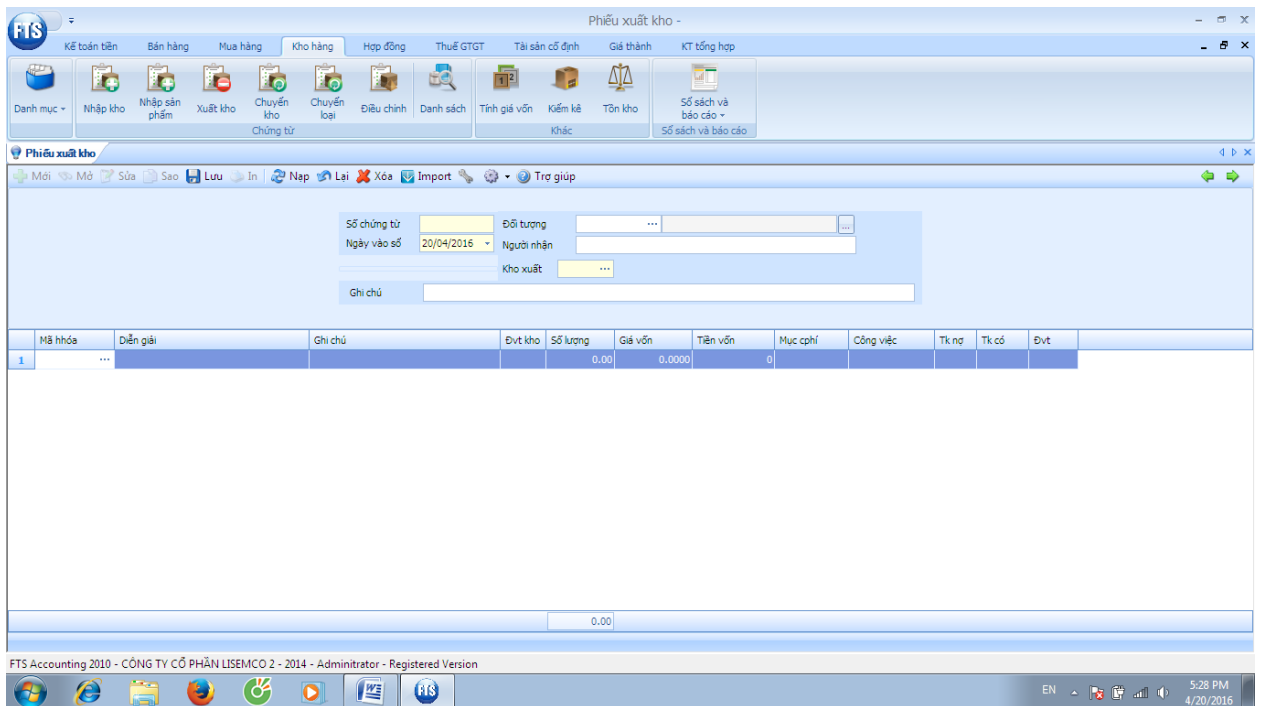


Kế toán chọn Nhập kho, Xuất kho,.. để nhập dữ liệu các nghiệp vụ. Sau đó phần mềm sẽ hiện màn hình của Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho như sau:

Giao diện màn hình nhập dữ liệu Phiếu nhập kho:



Giao diện màn hình nhập dữ liệu Phiếu xuất kho:



- Mục “Số chứng từ”: phần mềm sẽ tự động đánh hoặc kế toán viên có thể điều chỉnh.
- Mục “Ngày vào sổ”: phần mềm tự động mặc định là ngày đang làm việc.
- Mục “Đối tượng”, “Kho nhập”, “Kho xuất”, kế toán chọn vào biểu tượng “...” bên cạnh để tìm trong danh sách đã có sẵn.

- Mục “Ghi chú”: kế toán ghi lí do nhập, xuất ,...
- Các mục “Người giao chứng từ”, “Người nhận”, “Địa chỉ”, kế toán ghi chép theo chứng từ sử dụng.

Sau khi nhập dữ liệu đầy đủ vào các mục, kế toán chọn “Lưu” để lưu lại dữ liệu vừa nhập.

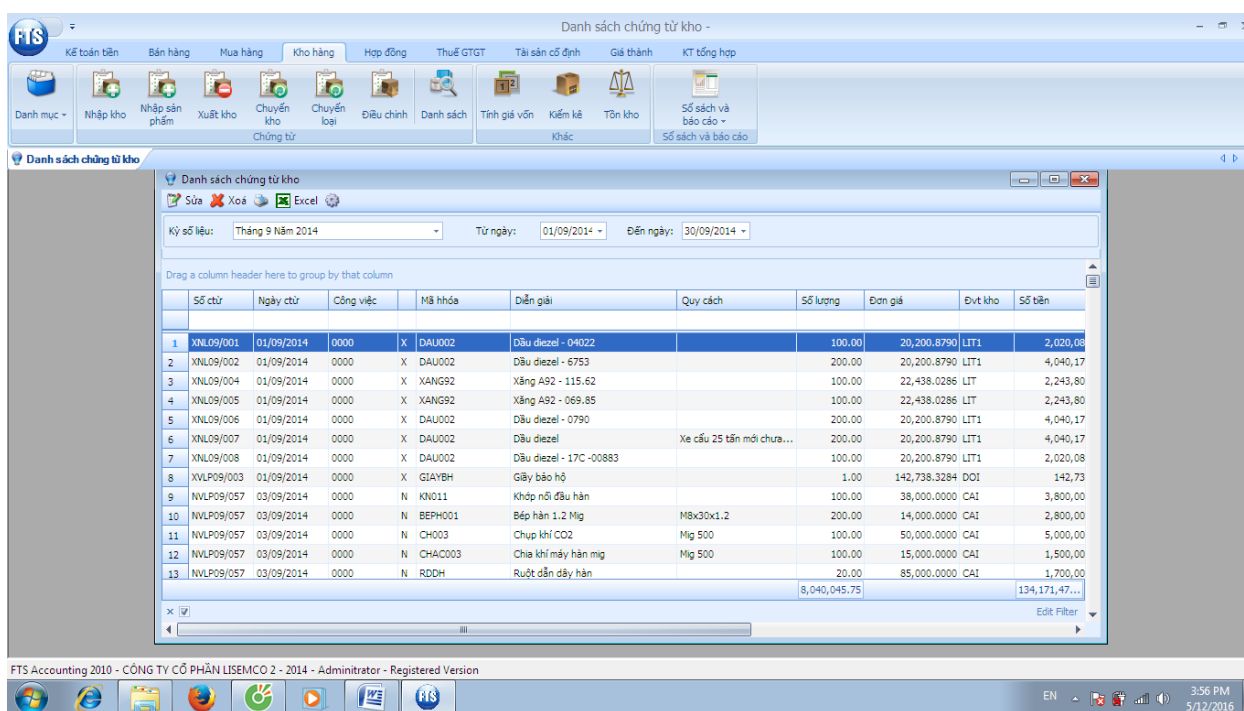
Bước 3: Xem và in chứng từ, sổ sách, báo cáo.

- Xem và In chứng từ:

Khi muốn xem và in bất cứ chứng từ nào, kế toán chọn phân hệ thích hợp, tìm mục lớn Chứng từ và kích chuột chọn “Danh sách” và tùy chọn thời gian hay số chứng từ, ngày chứng từ cần xem. Khi thực hiện tùy chọn tìm chứng từ theo yêu cầu, phần mềm sẽ tự động lọc và hiển thị danh sách bên dưới. Kế toán sau khi tìm thấy chứng từ cần tìm, kích chuột chọn sẽ mở chứng từ. Sau đó chọn “In” cùng biểu tượng máy in để in chứng từ.

Ví dụ: Phân hệ Kho hàng: Khi muốn xem và in bất cứ chứng từ nào trong phân hệ Kho hàng, kế toán chọn “Danh sách” trong khung Chứng từ, phần mềm sẽ hiện ra tất cả danh sách xếp theo thứ tự ngày chứng từ, kế toán có thể chọn kỳ số liệu, hoặc gõ từ tìm kiếm theo các mục để tìm kiếm nhanh rồi nháy đúp chuột vào chứng từ cần xem để mở chứng từ. Sau đó, chọn “In” cùng biểu tượng máy in để in chứng từ.

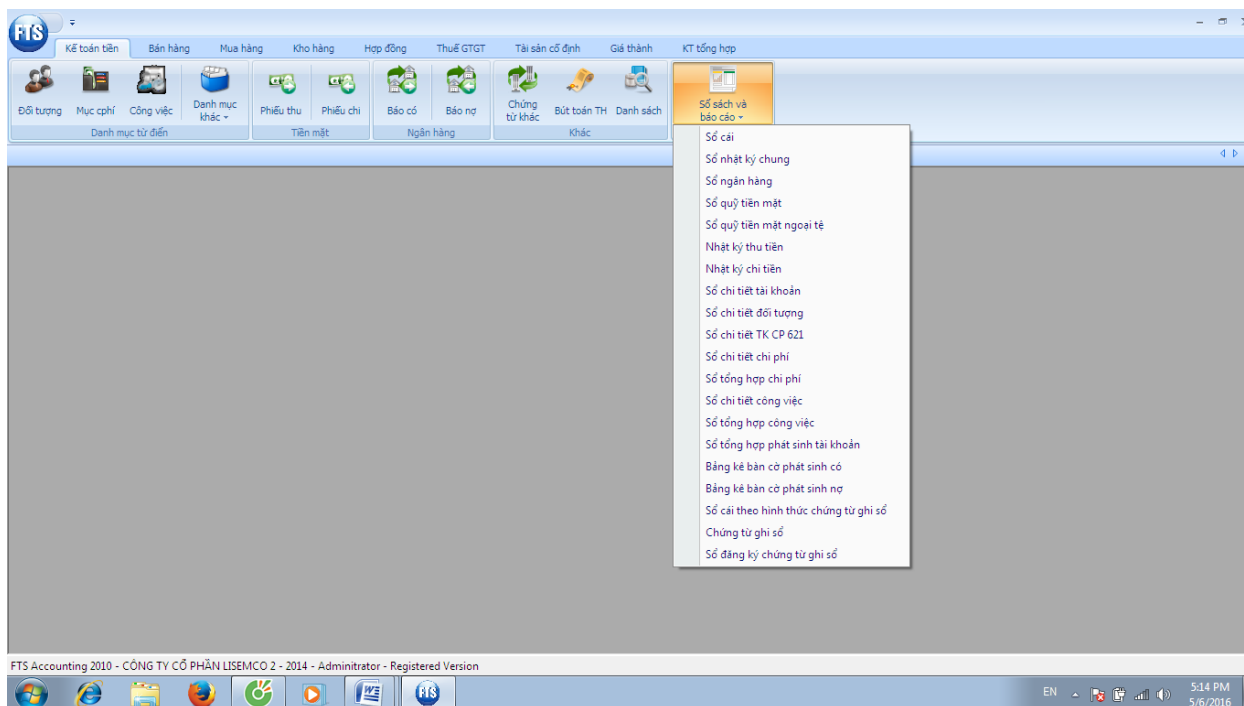
Giao diện màn hình danh sách chứng từ trong phân hệ Kho hàng:



- Xem và in sổ sách, báo cáo:

Tương tự như xem và in chứng từ, kế toán chọn phân hệ phù hợp với sổ sách cần xem, chọn “Sổ sách và báo cáo” phần mềm sẽ hiển thị danh sách sổ sách, kế toán kích chuột vào loại sổ sách hay báo cáo cần xem. Sau đó, chọn “In” cùng biểu tượng máy in để in sổ sách, báo cáo.

Riêng với Sổ nhật ký chung và các loại Sổ chi tiết, Sổ cái của từng TK, kế toán chọn Phân hệ Kế toán tiền để xem.



2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

Hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco2.

2.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

Công ty Cổ phần Lisemco 2 phân loại nguyên vật liệu (NVL) căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất. Công ty tiến hành phân loại như sau:

- *Nguyên vật liệu chính*: là những loại nguyên liệu, vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, cấu thành thực thể chính của sản phẩm như: sắt, thép,...

- *Nguyên vật liệu phụ*: là những loại nguyên vật liệu sử dụng kết hợp cùng với nguyên vật liệu chính nhằm nâng cao chất lượng, hình thức, mẫu mã của sản phẩm và những nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình hoạt động và bảo quản tu liệu lao động, phục vụ công việc lao động của công nhân như: sơn màu, dung môi, khí CO₂,...

- *Nhiên liệu*: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như: xăng, dầu nhớt, dầu nhòn,...

Toàn bộ số nguyên vật liệu trên được quản lý tại Kho công ty.

2.2.1.2. Thủ tục nhập, xuất nguyên vật liệu.

a) Thủ tục nhập nguyên vật liệu.

Nghiệp vụ mua nguyên vật liệu về nhập kho tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 xuất phát từ “Giấy đề nghị nhập kho” theo nhu cầu sản xuất từ Phòng Vật tư Thiết bị. Sau khi được Giám đốc dự án xét duyệt về nhu cầu và số lượng hợp lý sẽ được trình Ban Giám đốc ký duyệt đồng ý cho mua. Phòng Vật tư – Thiết bị sẽ lên kế hoạch và thực hiện việc mua nguyên vật liệu.

Khi vật liệu mua về đến công ty, bộ phận An ninh của công ty có trách nhiệm kiểm đếm về số lượng, khối lượng, chất lượng cùng với thủ kho, người của phòng vật tư thiết bị, phòng quản lý chất lượng, phòng tài chính kế toán và các phòng ban có liên quan. Nếu được xác định là đúng như hợp đồng đã thoả thuận thì tiến hành lập “Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa” và tổ chức bàn giao nghiệm thu vật tư theo quy định. Tại Công ty Cổ phần Lisemco 2, thông thường hàng về nhưng Hóa đơn GTGT chưa về nên kế toán căn cứ vào Giấy đề nghị nhập kho và Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa để tiến hành lập Phiếu

nhập kho và ghi sổ sách kế toán ngay theo giá tạm tính vào phần mềm vi tính.

Phiếu nhập kho được in thành 02 liên:

+ Liên 1: lưu tại kho do thủ kho giữ.

+ Liên 2: kẹp theo các chứng từ thanh toán.

Giá nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau :

$$\begin{array}{r} \text{Giá gốc} \\ \text{NVL mua} \\ \text{ngoài} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các loại} \\ \text{thuế không} \\ \text{hoàn lại} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{liên quan} \\ \text{trực tiếp} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu thương} \\ \text{mại, giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó :

- Giá mua ghi trên hóa đơn : là giá thực tế NVL mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa thuế GTGT

- Các loại thuế không hoàn lại như : thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,...

- Chi phí liên quan trực tiếp gồm : chi phí vận chuyển, bốc dỡ...đối với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được tính vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu.

- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Ví dụ 1: Ngày 04 tháng 09 năm 2014, công ty muason Inter và dung môi GTA của Công ty cổ phần thương mại và công nghiệp Nguyên Hanh về nhập kho phục vụ thi công công trình Formosa. Công ty làm thủ tục nhập kho và ghi sổ trong trường hợp hàng đã về tới kho nhưng hóa đơn GTGT chưa về. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Khi hàng về Hóa đơn GTGT chưa về, căn cứ vào Giấy đề nghị nhập kho (Biểu số 2.1) và Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa (Biểu số 2.2), kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán và in phiếu nhập kho số NVLP09/011 (Biểu số 2.3) theo giá tạm tính. Phiếu nhập kho được in thành 02 liên và giao cho các bên liên quan.

Trị giá sơn và dung môi nhập kho là: 164.223.250 đồng.

Biểu số 2.1: Giấy đề nghị nhập kho.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@litemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.litemco2.com Fax : +84 31 3922 783



GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 09 năm 2014

Kho nhập hàng: Kho công ty – 001.

Đơn vị đề nghị nhập: Phòng Vật tư – Thiết bị.

Người đề nghị nhập: Bùi Thị Quy.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền chưa VAT	Thành tiền có VAT	Công trình/ Dự án	Nhà cung cấp
01	Sơn Intergard 475 HS mio grey	lít	500	90.500	99.550	45.250.000	49.775.000	Formorsa – Hợp đồng 0174: chế tạo ống khói	Công ty cổ phần thương mại và công nghiệp Nguyên Hanh.
02	Sơn Interthane 990 grey 5 PB 6/1	lít	300	139.200	153.010	41.760.000	45.903.000		
03	Sơn Interzinc 52 grey	lít	300	229.080	251.988	68.724.000	75.596.400		
04	Dung môi GTA 220	lít	45	51.450	56.595	2.315.250	2.546.775		
05	Dung môi GTA 007	lít	75	51.450	56.595	3.858.750	4.244.625		
06	Dung môi GTA 733	lít	45	51.450	56.595	2.315.250	2.546.775		
TỔNG CỘNG						164,223,250	180,645,575		

Chứng từ kèm theo:

- Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa và các chứng từ theo quy định.
- Phiếu nhập kho phải được trả lại cho Thủ kho trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhập hàng

Tổng Giám đốc

Kho quản lý
(Thủ kho)

Đơn vị đề nghị nhập kho
Trưởng đơn vị Người đề nghị nhập

Biểu số 2.2: Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@litemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.litemco2.com Fax : +84 31 3922 783



BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO HÀNG HÓA

Thời gian: Ngày 04/09/2014

Người giao: Trần Văn Mạnh

Người nhận: Bùi Thị Quy

Công trình: chế tạo ống khói Formosa – HD0174

Địa điểm: Công ty Cổ phần Lisemco2

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại và công nghiệp Nguyên Hanh.

Đơn vị: Phòng Vật tư – Thiết bị

TT	Tên quy cách, chủng loại	ĐVT	SL đề nghị	SL đạt	SL không đạt	Ghi chú
01	Sơn Intergard 475 HS mio grey	lit	500	500	0	
02	Sơn Interthane 990 grey 5 PB 6/1	lit	300	300	0	
03	Sơn Interzinc 52 grey	lit	300	300	0	
04	Dung môi GTA 220	lit	45	45	0	
05	Dung môi GTA 007	lit	75	75	0	
06	Dung môi GTA 733	lit	45	45	0	

Tài liệu đính kèm:

Kết luận:

Người nhận hàng

Người kiểm tra 1

Người kiểm tra 2

Người giao hàng

Ghi chú: Biên bản này được lập thành 04 bản gốc , mỗi đơn vị giữ 01 bản

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho số NVLP09/011.

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2**

Mẫu số: **01-VT**

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão,
Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Số: **NVLP09/011**

Nợ: 1522

Có: 331

Người nhập: **Bùi Thị Quy.**

Nhà cung cấp: Công ty cổ phần thương mại và công nghiệp Nguyên Hanh.

Mã số thuế: 0200680384

Địa chỉ: Tầng 7, số 22 Lý Tự Trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Công trình: Nhập phục vụ công trình Formosa-0174.

Nhập tại: Kho công ty

STT	Tên và quy cách hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Son Intergard 475 HS mio grey		lit	500,00	90.500,00	45.250.000
02	Son Interthane 990 grey 5 PB 6/1		lit	300,00	139.200,00	41.760.000
03	Son Interzinc 52 grey		lit	300,00	229.080,00	68.724.000
04	Dung môi GTA 220		lit	45,00	51.450,00	2.315.250
05	Dung môi GTA 007		lit	75,00	51.450,00	3.858.750
06	Dung môi GTA 733		lit	45,00	51.450,00	2.315.250
CỘNG				1265,00		164.223.250

Số tiền(bằng chữ): *Một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba ngàn hai trăm năm mươi đồng.*

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị Phòng TC-KT Người lập phiếu Thủ kho Người nhập

Màn hình giao diện phiếu nhập kho số NVLP09/011:

Chứng từ mua hàng kèm phiếu nhập kho

Đơn vị bán hàng: 33100213 ... Công ty CP TM và công nghiệp Nguyễn ...
 Người liên hệ: Bùi Thị Quy
 Địa chỉ: Tầng 7 số 22 Lý Tự Trọng Hồng Bàng, Hải Phòng
 Mã số thuế: 0200680384

Mã hóa	Diễn giải	Quy Cách	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Công việc	Đvt	Tk kho	Chi phí mua hàng	Tk
1 SON132	Son Intergard 475 HS mio grey		90.000	90,500.0000	45,250,000	POS001	LIT	1522		0 331
2 SON990561	Son interthane 990 grey 5 PB 6/1		300.00	139,200.0000	41,760,000	POS001	LIT	1522		0 331
3 SON052G	Son Interzinc 52 grey		300.00	229,080.0000	68,724,000	POS001	LIT	1522		0 331
4 DM005	Dung môi GTA 220		45.00	51,450.0000	2,315,250	POS001	LIT1	1522		0 331
5 DM010	Dung môi GTA 007		75.00	51,450.0000	3,858,750	POS001	LIT1	1522		0 331
6 DM007	Dung môi GTA 733		45.00	51,450.0000	2,315,250	POS001	LIT1	1522		0 331

Tiền hàng: 164,223,250 Thuế Vat: 0 Tk thuế: 13311

Chi phí: 0 Tiền vốn: 164,223,250 Tổng VNĐ: 164,223,250

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2 Mã số: 01-VT
 Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP MUA Số: NVLP09/011
 Ngày 04 Tháng 09 Năm 2014 Ng: 1522 C: 331

Người nhập: Bùi Thị Quy Nhà cung cấp: Công ty CP TM và công nghiệp Nguyễn Hanh MST: 0200680384
 Địa chỉ: Tầng 7 số 22 Lý Tự Trọng Hồng Bàng, Hải Phòng
 Công trình: Nhập phục vụ ctr Formosa-0174 Nhập tại: Kho công ty

STT	Tên và quy cách hàng hoá	Quy cách	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Son Intergard 475 HS mio grey		lit	500.00	90,500.00	45,250,000
2	Son interthane 990 grey 5 PB 6/1		lit	300.00	139,200.00	41,760,000
3	Son Interzinc 52 grey		lit	300.00	229,080.00	68,724,000
4	Dung môi GTA 220		lit	45.00	51,450.00	2,315,250
5	Dung môi GTA 007		lit	75.00	51,450.00	3,858,750
6	Dung môi GTA 733		lit	45.00	51,450.00	2,315,250
CỘNG:				1265.00		164,223,250

Số tiền (bằng chữ): Một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng.
 Ngày tháng năm 2014

Thủ trưởng đơn vị: Phòng TC - KT Người lập phiếu: Thủ kho Người nhập:

Ví dụ 2: Ngày 19 tháng 09 năm 2014, công ty mua 3.310 lít dầu Diesel của công ty TNHH Ô tô Hoa Mai với đơn giá 19.790,9090 đồng. Công ty làm thủ tục nhập kho và ghi sổ trong trường hợp hàng đã về tới kho nhưng hóa đơn GTGT chưa về. Chi phí vận chuyển tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Khi hàng về Hóa đơn GTGT chưa về, căn cứ vào Giấy đề nghị nhập kho (Biểu số 2.4), Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa (Biểu số 2.5), kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán và in phiếu nhập kho số NNL09/072 (Biểu số 2.6) theo giá tạm tính. Phiếu nhập kho được in thành 02 liên và giao cho các bên liên quan.

Trị giá Dầu Diesel nhập kho là: $3.310 \times 19.790,9090 = 65.507.909$ đồng.

Biểu số 2.4: Giấy đề nghị nhập kho.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@lisemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.lisemco2.com Fax : +84 31 3922 783



GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP KHO

Ngày 17 tháng 09 năm 2014

Kho nhập hàng: Kho công ty – 001.

Đơn vị đề nghị nhập: Phòng Vật tư – Thiết bị.

Người đề nghị nhập: Trần Thị Thu.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (Chưa VAT)	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền chưa VAT	Thành tiền có VAT	Công trình/ Dự án	Nhà cung cấp
01	Dầu Diezel	lit	3.310	19.790,9090		65.507.909			Công ty TNHH Ô tô Hoa Mai.
	TỔNG CỘNG					65.507.909			

Chứng từ kèm theo:

- Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa và các chứng từ theo quy định.
- Phiếu nhập kho phải được trả lại cho Thủ kho trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhập hàng

Tổng Giám đốc

Kho quản lý
(Thủ kho)

Đơn vị đề nghị nhập kho
Trưởng đơn vị Người đề nghị nhập

Biểu số 2.5: Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@lisemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.lisemco2.com Fax : +84 31 3922 783



BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO HÀNG HÓA

Thời gian: Ngày 19/09/2014
 Người giao: Đỗ Văn Quý.
 Người nhận: Trần Thị Thu.
 Công trình:

Địa điểm: Công ty Cổ phần Lisemco2
 Đơn vị: Công ty TNHH Ô tô Hoa Mai..
 Đơn vị: Phòng Vật tư – Thiết bị

TT	Tên quy cách, chủng loại	ĐVT	SL đề nghị	SL đạt	SL không đạt	Ghi chú
01	Dầu Diezel	lit	3.310	3.310	0	

Tài liệu đính kèm:

Kết luận:

Người nhận hàng

Người kiểm tra 1

Người kiểm tra 2

Người giao hàng

Ghi chú: Biên bản này được lập thành 04 bản gốc , mỗi đơn vị giữ 01 bản

Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho số NNL09/072.

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2**

Mẫu số: 01-VT

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão,

*(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Hải Phòng

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 19 tháng 09 năm 2014

Số: NNL09/072

Nợ: 1523

Có: 331

Người nhập: Trần Thị Thu

Nhà cung cấp: Công ty TNHH Ô tô Hoa Mai.

Mã số thuế: 0200138319.

Địa chỉ: Số Km35+500 – Quốc lộ 10 – Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng.

Công trình: Nhập phục vụ thi công Nhập tại: Kho công ty

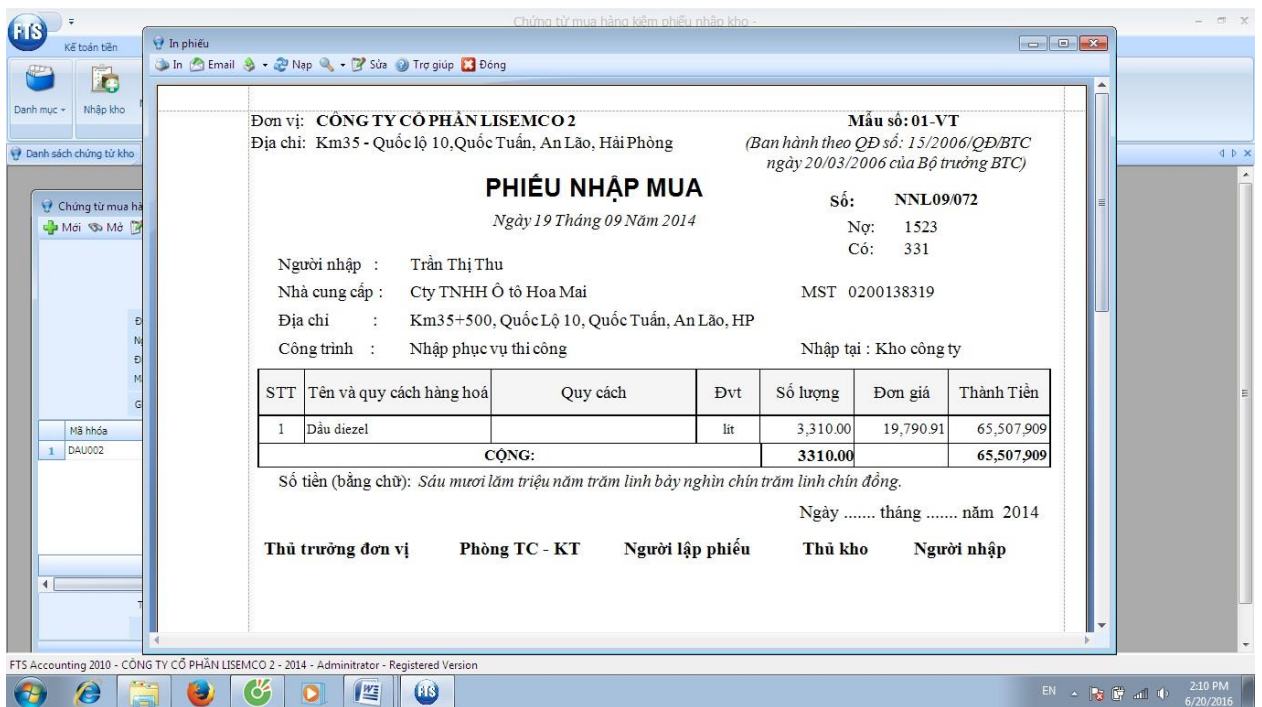
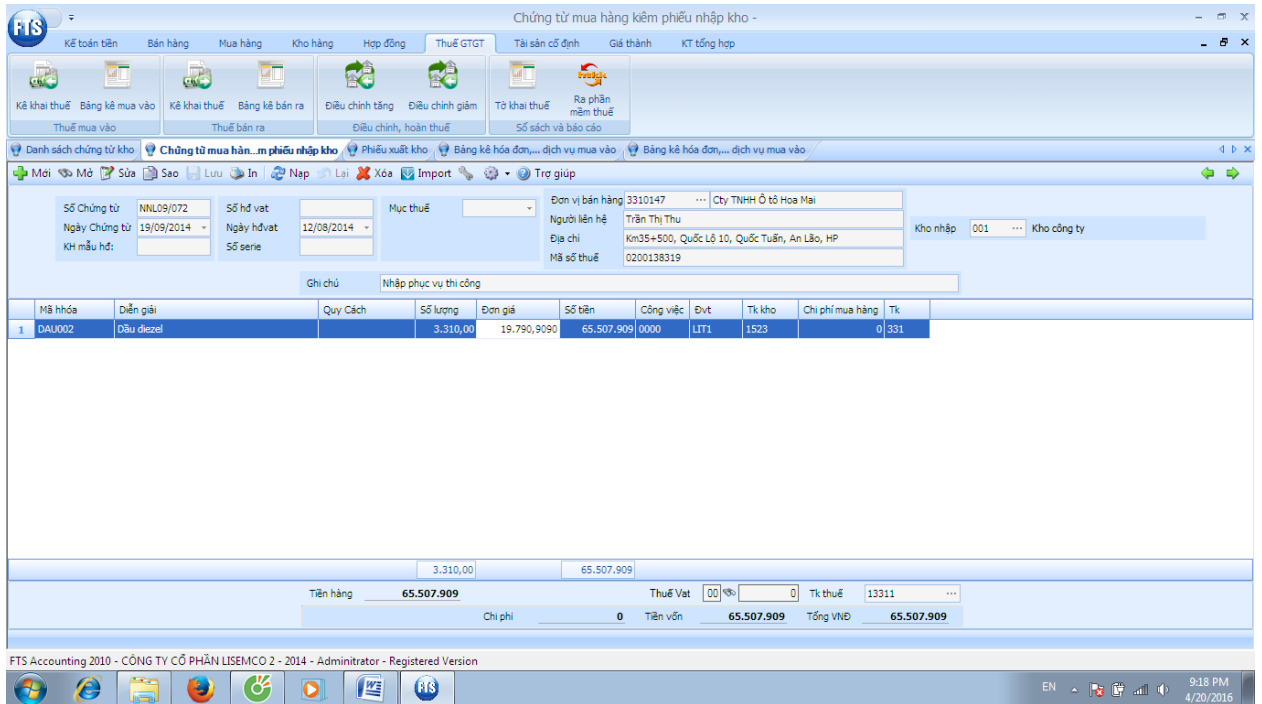
STT	Tên và quy cách hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Dầu Diezel		lit	3.310,00	19.790,9090	65.507.909
CỘNG				3.310,00		65.507.909

Số tiền(bằng chữ): *Sáu mươi lăm triệu năm trăm linh bảy nghìn chín trăm linh chín đồng.*

Ngày 19 tháng 09 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị Phòng TC-KT Người lập phiếu Thủ kho Người nhập

Màn hình giao diện phiếu nhập kho số NNL09/072.



b) Thủ tục xuất nguyên vật liệu.

Nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu xuất phát từ “Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa” theo nhu cầu sản xuất, thi công từ Phòng Vật tư Thiết bị. Sau khi được Giám đốc Dự án xem xét sự hợp lý về nhu cầu và số lượng sẽ được trình lên Ban Giám đốc ký duyệt đồng ý. Các bên thực hiện tổ chức bàn giao hàng hóa dựa trên “Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho”. Đồng thời dựa vào Biên bản, kế toán lập phiếu xuất kho trên phần mềm vi tính. Mỗi phiếu xuất kho được in thành 03 liên:

- + Một liên kế toán kho giữ.
- + Một liên thủ kho giữ.
- + Một liên người nhận vật tư giữ.

Khi nhập số liệu để lập phiếu xuất kho trong phần mềm kế toán chỉ cần nhập chỉ tiêu tên, mã hàng, quy cách, số lượng, còn đơn giá và trị giá xuất kho của vật tư là do phần mềm tự động tính toán. Đơn giá và trị giá vật tư xuất kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Ví dụ 3: Ngày 04 tháng 09 năm 2014, công ty xuất sơn Intervà dung môi GTA để phục vụ thi công công trình Formosa.

Sau khi tiếp nhận Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho (Biểu số 2.8) kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa (Biểu số 2.7), trên cơ sở 2 chứng từ này kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số XVLP09/021 (Biểu số 2.9) trên phần mềm máy tính. Kế toán chỉ cần nhập tên, mã hàng, quy cách và số lượng xuất cho từng loại vật liệu, phần mềm sẽ tự tính đơn giá và trị giá xuất kho cho từng loại theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Trị giá xuất kho của sơn và dung môi được máy tính tự động tính là: 56.684.385 đồng.

Biểu số 2.7: Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@litemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.litemco2.com Fax : +84 31 3922 783



Số phiếu:

Ngày 04/09/2014

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP VẬT TƯ HÀNG HÓA

Công trình/ Dự án: Formosa.

Tên & số hợp đồng ký với KH: Formosa – 0174.

Hạng mục công việc: chế tạo ống khói

Đơn vị thi công: Công ty TNHH đào tạo KCT HP.

TT	Hàng hóa	ĐVT	Đơn vị đề nghị					P.QLDA xác nhận		Ghi chú thực cấp của Đơn vị cấp phát
			Số lượng theo dự trù được duyệt	Số lượng lũy kế đến kỳ trước đã được duyệt	Số lượng đề nghị cấp lần này	Lũy kế đến lần này	Thời gian yêu cầu cấp	Số lượng cấp lần này	Thời gian yêu cầu cấp	
01	Sơn Interzinc 52 grey	Lit	100		100			100		
02	Sơn Intergard 475 HS mio grey	Lit	200		200			200		
03	Sơn Interthane 990 grey 5 PB 6/1	Lit	80		80			80		
04	Dung môi GTA 220	Lit	20		20			20		
05	Dung môi GTA 007	Lit	40		40			40		
06	Dung môi GTA 733	Lit	20		20			20		

Phê duyệt

P.Vật tư Thiết bị

P.Quản lý dự án

Đơn vị đề nghị

Trưởng đơn vị

Giám sát

Trưởng đơn vị

Người lập

Biểu số 2.8: Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@lisemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.lisemco2.com Fax : +84 31 3922 783



BIÊN BẢN BÀN GIAO VẬT TƯ HÀNG HÓA XUẤT KHO

Thời gian: Ngày 04/09/2014.

Địa điểm: Công ty cổ phần Lisemco 2.

Người giao: Đỗ Thị Thái.

Đơn vị: Công ty cổ phần Lisemco 2.

Người nhận: Hà Thế Luân.

Đơn vị: Công ty TNHH đào tạo KCT Hải Phòng.

Công trình/Dự án: Formosa – 0174.

Hạng mục công việc: chế tạo ống khói.

STT	Tên vật tư, dụng cụ	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Sơn Interzinc 52 grey		lit	100	
02	Sơn Intergard 475 HS mio grey		lit	200	
03	Sơn Interthane 990 grey 5 PB 6/1		lit	80	
04	Dung môi GTA 220		lit	20	
05	Dung môi GTA 007		lit	40	
06	Dung môi GTA 733		lit	20	

Tài liệu đính kèm: Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.

Thủ kho

Đơn vị nhận hàng

Ghi chú:

Biên bản này được lập thành 02 bản gốc, mỗi đơn vị giữ 01 bản
 Các đơn vị nhận hàng chịu trách nhiệm kiểm tra hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong quá trình nhận hàng.

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho số XVLP09/021.

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2**

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão,

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Số: XVLP09/021

Nợ: 621

Có: 1522

Người nhận hàng: Hà Thế Luân

Đơn vị: Công ty TNHH đào tạo KCT Hải Phòng.

Nội dung: Xuất phục vụ công trình Formosa-0174.

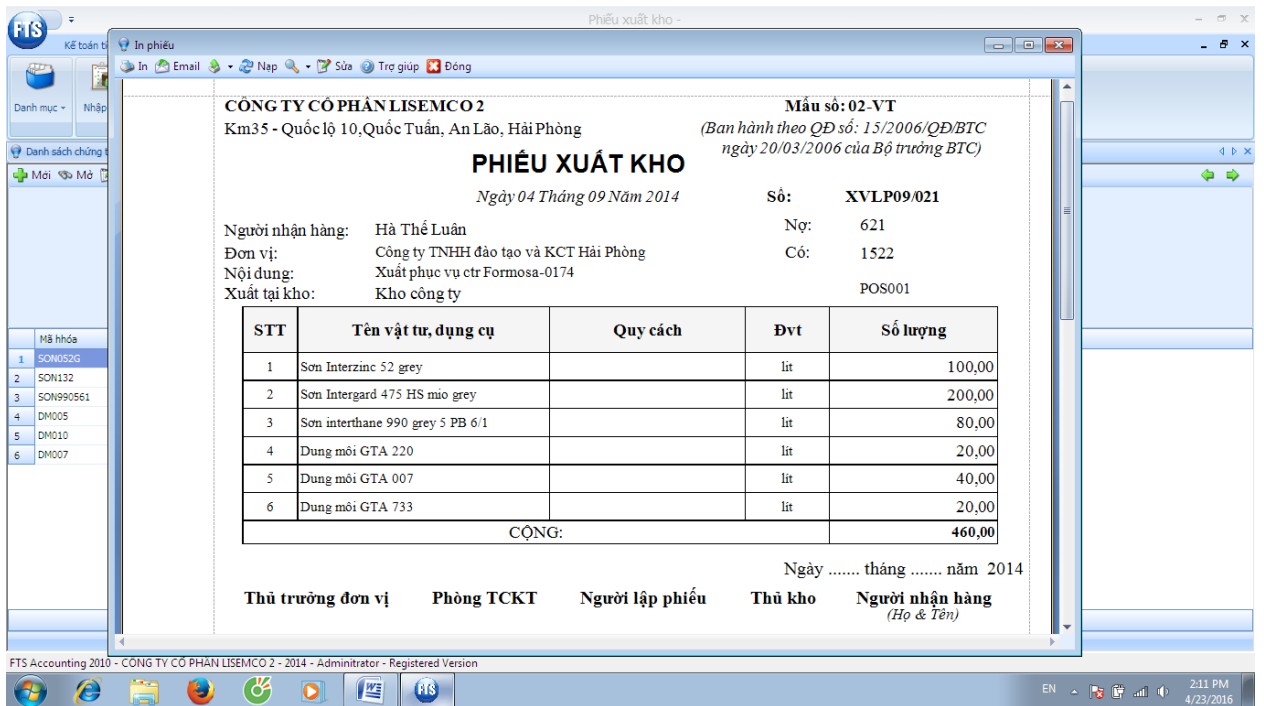
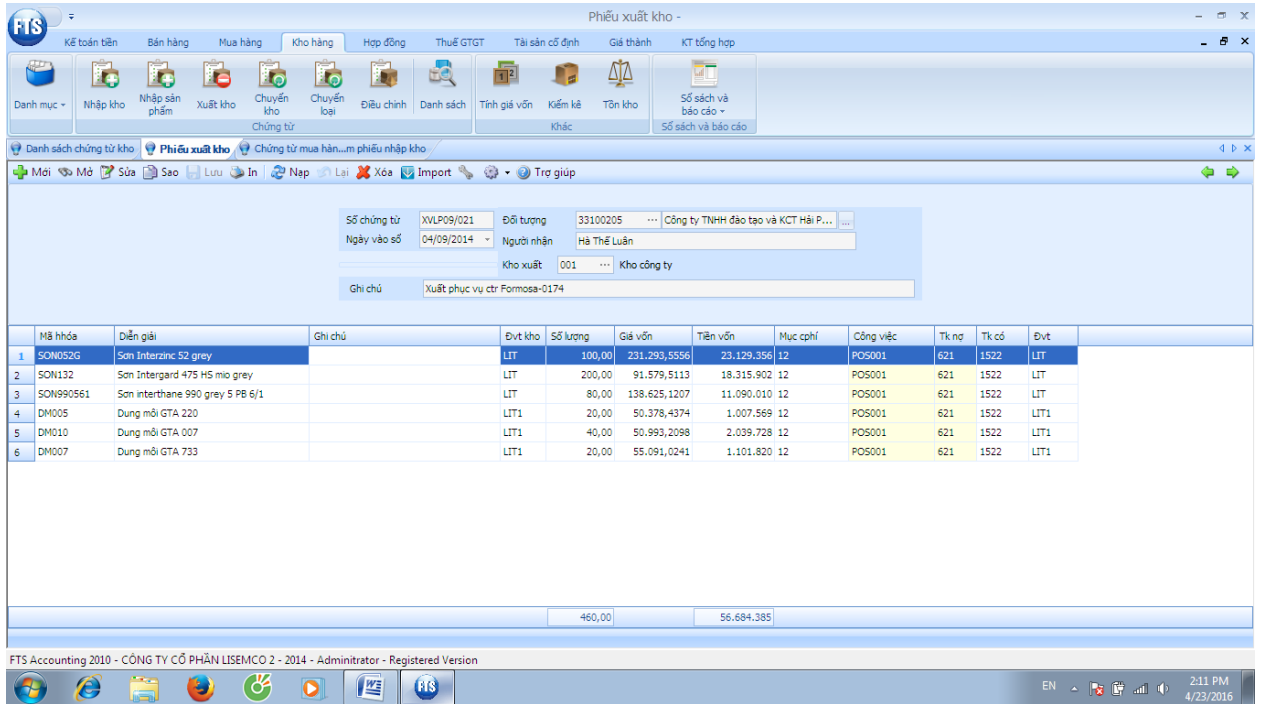
Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên vật tư, dụng cụ	Quy cách	ĐVT	Số lượng
01	Sơn Interzinc 52 grey		lit	100,00
02	Sơn Intergard 475 HS mio grey		lit	200,00
03	Sơn Interthane 990 grey 5 PB 6/1		lit	80,00
04	Dung môi GTA 220		lit	20,00
05	Dung môi GTA 007		lit	40,00
06	Dung môi GTA 733		lit	20,00
CỘNG				460,00

Ngày 04 tháng 09 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị Phòng TCKT Người lập phiếu Thủ kho Người nhận hàng

Màn hình giao diện phiếu xuất kho số XVLP09/021 trên phần mềm kế toán:



Ví dụ 4: Ngày 19 tháng 09 năm 2014, công ty xuất 100 lít dầu Diesel phục vụ xe nâng 7 tấn Komatsu.

Sau khi tiếp nhận Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho (Biểu số 2.11) kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa (Biểu số 2.10), trên cơ sở 2 chứng từ này kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số XNL09/227 (Biểu số 2.12) trên phần mềm máy tính. Kế toán chỉ cần nhập tên, mã hàng, quy cách và số lượng xuất cho từng loại vật liệu, phần mềm sẽ tự tính đơn giá và trị giá xuất kho cho từng loại theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Trị giá xuất kho dầu Diesel được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn là: $100 \times 19.973,8471 = 1.997.385$ đồng

Biểu số 2.10: Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@litemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.litemco2.com Fax : +84 31 3922 783



Số phiếu:

Ngày 19/09/2014

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP VẬT TƯ HÀNG HÓA

Công trình/ Dự án:

Tên & số hợp đồng ký với KH:

Hạng mục công việc:

Đơn vị thi công: Đội làm sạch và sơn – Trần Hữu Phú.

TT	Hàng hóa	ĐVT	Đơn vị đề nghị					P.QLDA xác nhận		Ghi chú thực cấp của Đơn vị cấp phát
			Số lượng theo dự trù được duyệt	Số lượng lũy kế đến kỳ trước đã được duyệt	Số lượng đề nghị cấp lần này	Lũy kế đến lần này	Thời gian yêu cầu cấp	Số lượng cấp lần này	Thời gian yêu cầu cấp	
01	Dầu Diezel -7 tấn Komatsu	lít	100		100				100	

Phê duyệt

P.Vật tư Thiết bị

P.Quản lý dự án

Đơn vị đề nghị

Trưởng đơn vị

Giám sát

Trưởng đơn vị

Người lập

Biểu số 2.11: Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho.



CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Địa chỉ : Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn - Huyện An Lão
 Thành Phố Hải Phòng - Việt Nam
 E-mail : info@lisemco2.com Tel : +84 31 3922 786
 Website : www.lisemco2.com Fax : +84 31 3922 783



BIÊN BẢN BÀN GIAO VẬT TƯ HÀNG HÓA XUẤT KHO

Thời gian: Ngày 19/09/2014.

Địa điểm: Kho công ty.

Người giao: Phạm Hữu Đồng.

Đơn vị:

Người nhận: Nguyễn Quý Thạch.

Đơn vị: Đội làm sạch và sơn – Trần Hữu Phú.

Công trình/Dự án:

Hạng mục công việc:

STT	Tên vật tư, dụng cụ	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Dầu Diezel -7 tấn Komatsu		lit	100	

Tài liệu đính kèm: Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.

Thủ kho

Đơn vị nhận hàng

Ghi chú:

Biên bản này được lập thành 02 bản gốc, mỗi đơn vị giữ 01 bản

Các đơn vị nhận hàng chịu trách nhiệm kiểm tra hàng hóa đáp ứng yêu cầu trong quá trình nhận hàng.

Biểu số 2.12: Phiếu xuất kho số XNL09/227.

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2**

Mẫu số: 02-VT

Địa chỉ: Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão,

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 09 năm 2014

Số: XNL09/227

Nợ: 623

Có: 1523

Người nhận hàng: Nguyễn Quý Thạch

Đơn vị: Đội làm sạch và sơn – Trần Hữu Phú.

Nội dung: Xuất phục vụ xe nâng 7 tấn Komatsu.

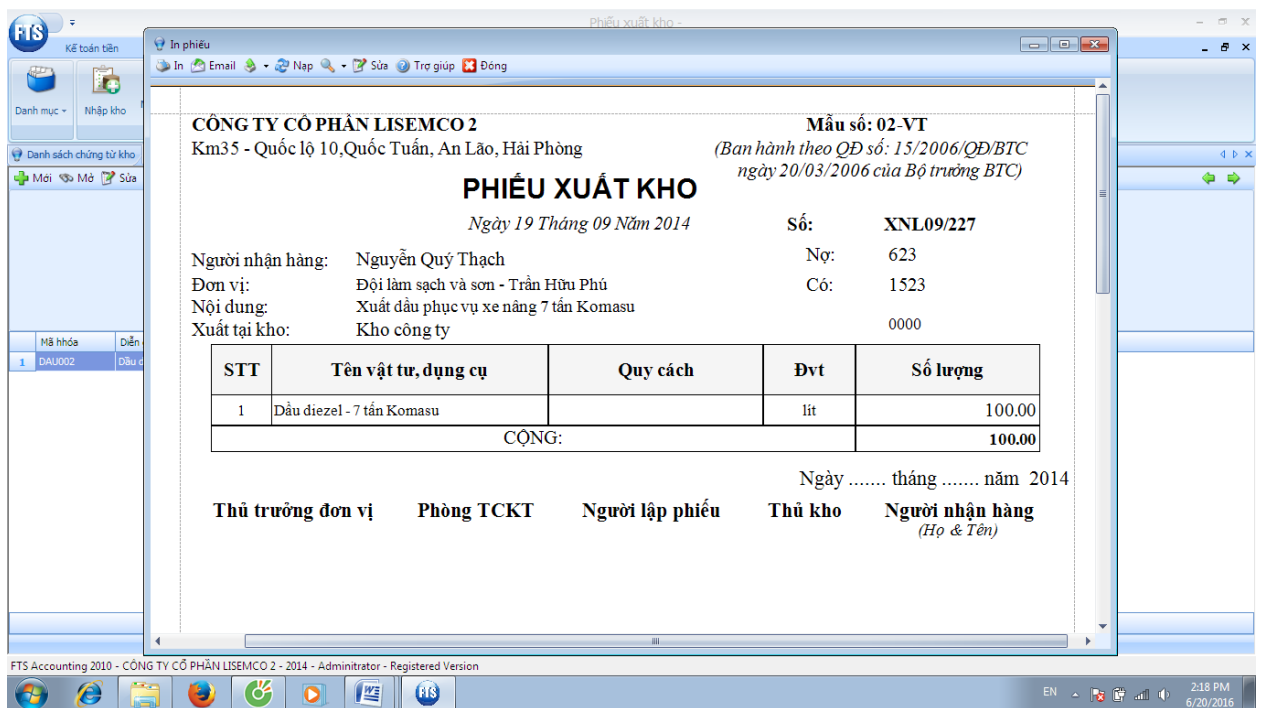
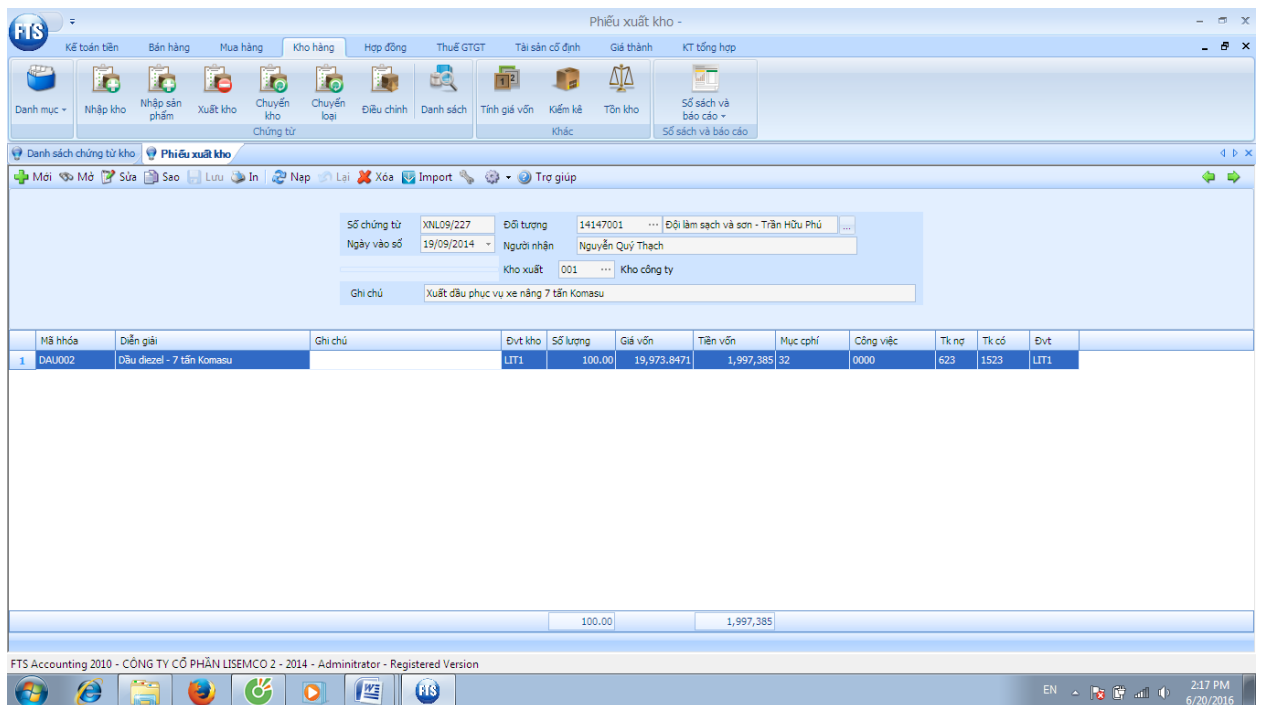
Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên vật tư, dụng cụ	Quy cách	ĐVT	Số lượng
01	Dầu Diezel -7 tấn Komatsu		lit	100,00
CỘNG				100,00

Ngày 19 tháng 09 năm 2014

Thủ trưởng đơn vị Phòng TCKT Người lập phiếu Thủ kho Người nhận hàng

tính:



2.2.1.3. Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 là công việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại nguyên vật liệu cả về số lượng, chủng loại, chất lượng giá trị... Công việc khá phức tạp, nghiệp vụ nhập xuất diễn ra hàng ngày do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết vật liệu là vô cùng quan trọng.

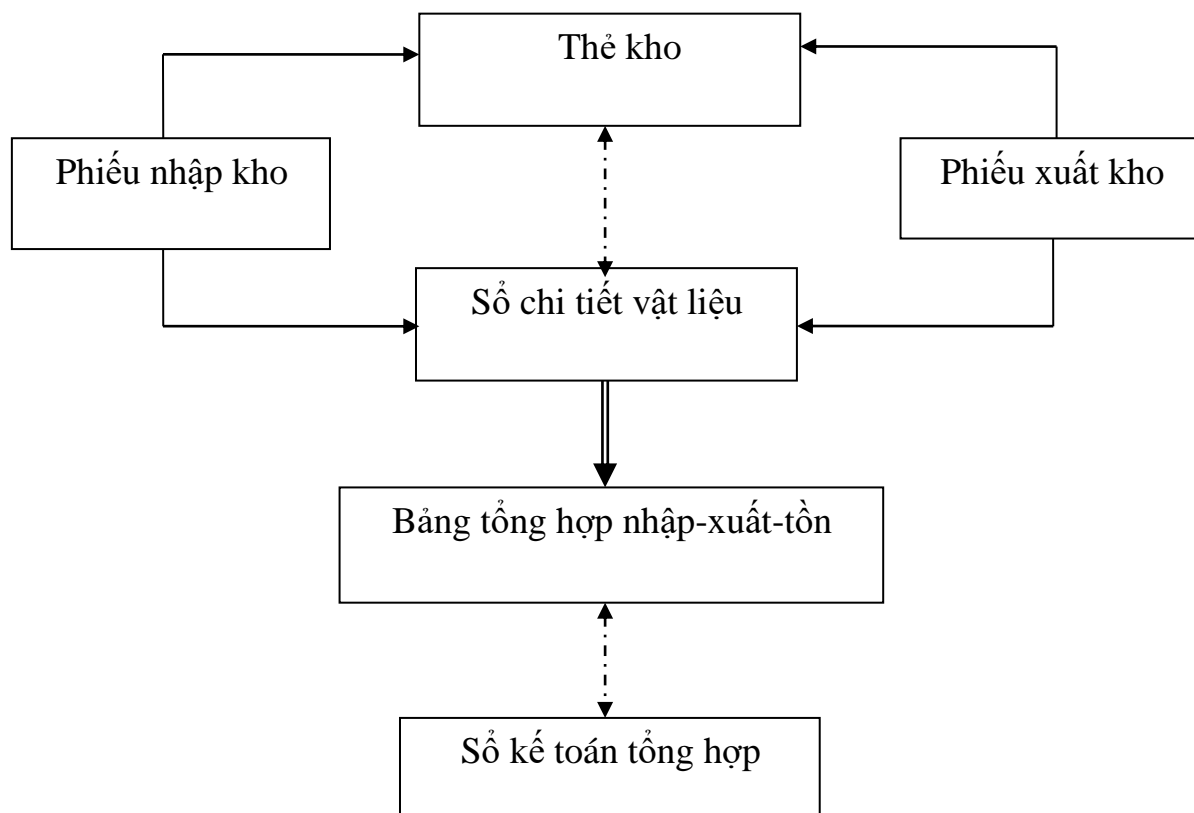
Công ty Cổ phần Lisemco 2 đã chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song nhằm tiến hành công việc một cách đơn giản và chính xác nhất. Theo phương pháp này, để phản ánh tình hình biến động nguyên vật liệu ở kho, thủ kho phải mở thẻ kho để ghi chép về mặt số lượng còn ở phòng kế toán, kế toán phải mở sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để ghi chép về mặt số lượng và giá trị.

Tại kho: Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho trên thẻ kho. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại vật liệu có tính chất khác nhau mà kiểm tra số liệu tồn kho khác nhau. Hàng tháng, vào ngày cuối tháng thủ kho cùng kế toán đối chiếu thẻ kho và sổ kế toán để phát hiện ra tình trạng thừa thiếu cũng như tồn kho nguyên vật liệu.

Tại phòng kế toán: Kế toán phải theo dõi tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ, kế toán nhập dữ liệu từ các chứng từ vào phần mềm kế toán FTS Accounting. Theo chương trình cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào sổ chi tiết TK 152 và các sổ sách khác có liên quan. Cuối kỳ, kế toán sẽ thực hiện các thao tác để tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết TK 152 để lập Báo cáo Nhập – Xuất – Tồn.

Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả cụ thể qua Sơ đồ 2.4 sau:

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ: (Tiếp ví dụ 1): Ngày 04 tháng 09 năm 2014, công ty mua sơn Inter và dung môi GTA của Công ty cổ phần thương mại và công nghiệp Nguyên Hanh về nhập kho phục vụ thi công công trình Formosa. Công ty làm thủ tục nhập kho và ghi sổ trong trường hợp hàng đã về tới kho nhưng hóa đơn GTGT chưa về. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Khi hàng về, sau khi kiểm tra hàng hóa đúng quy cách và số lượng, thủ kho cùng các phòng ban có liên quan lập Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa (Biểu số 2.2) kẹp cùng Giấy đề nghị nhập kho (Biểu số 2.1) gửi về phòng kế toán. Kế toán dựa vào đó lập phiếu nhập kho số NVLP09/011 (Biểu số 2.3) trên phần mềm kế toán và in ra thành 02 liên, 01 liên kẹp cùng các chứng từ thanh toán và 01 liên gửi lại thủ kho. Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho vào Thẻ kho

(Biểu số 2.13). Tại phòng kế toán, sau khi hoàn thành công việc lập phiếu nhập kho, phần mềm sẽ tự động ghi vào Sổ chi tiết Nguyên vật liệu (Biểu số 2.14) theo dõi cho SON052G – Sơn Interzinc 52 grey và Sổ chi tiết của các NVL khác có liên quan. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết nguyên vật liệu để lập Báo cáo Nhập – xuất – tồn (Biểu số 2.17).

Ví dụ (Tiếp ví dụ 3): Ngày 04 tháng 09 năm 2014, công ty xuất sơn Inter và dung môi GTA để phục vụ thi công công trình Formosa.

Từ Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa (Biểu số 2.7) cùng Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho (Biểu số 2.8) kế toán lập phiếu xuất kho số XVLP09/021 (Biểu số 2.9) in thành 03 liên, 01 liên kế toán kho giữ, 01 liên thủ kho giữ, 01 liên người nhận vật tư giữ. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất ghi vào Thẻ kho (Biểu số 2.13), Tại phòng kế toán, sau khi hoàn thiện và lưu dữ liệu của phiếu xuất kho, phần mềm tự động cập nhật lại Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.14) theo dõi cho SON052G – Sơn Interzinc 52 grey và Sổ chi tiết của các NVL khác có liên quan. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết nguyên vật liệu để lập Báo cáo nhập – xuất – tồn (Biểu số 2.17).

Biểu số 2.13: Thẻ kho.

Công ty Cổ phần Lisemco 2
Km35 – Quốc lộ 10 – Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/09/2014.

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa: SON052G - Sơn Interzinc 52 grey.

ĐVT: lít

Ngày nhập- xuất	Chứng từ		Ngày	Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Số				Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Dư đầu kỳ			1.050	
04/09	NVLP09/011		04/09	Nhập phục vụ ctr Formosa	300		1.350	
04/09		XVLP09/021	04/09	Xuất phục vụ ctr Formosa		100	1.250	
...	
24/09	NVLP09/090		24/09	Nhập phục vụ ctr Formosa	800		1.010	
...	
27/09		XVLP09/304	27/09	Xuất phục vụ CT NĐ Mông Dương		60	720	
...	
				Cộng phát sinh	3.240	4.050		
				Tồn cuối kỳ			240	

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 9 năm 2014

Tài khoản: 1522 - Kho công ty: 001

Tên, quy cách nguyên vật liệu : SON052G - Sơn Interzinc 52 grey.

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		231.926					1.050	243.522.300
		Số phát sinh								
NVLP09/011	04/09	Nhập phục vụ CT Formosa	331	229.080	300	68.724.000			1.350	312.246.300
XVLP09/021	04/09	Xuất phục vụ CT Formosa	621	231.293,5556			100	23.129.356	1.250	289.116.944
...
NVLP09/090	24/09	Nhập phục vụ CT Formosa	331	256.900	800	205.520.000			1.010	292.267.652
...
XVLP09/304	27/09	Xuất phục vụ CT NĐ Mông Dương	621	231.926,6706			60	13.915.600	720	169.348.400
...
		Cộng phát sinh			3.240	763.362.400	4.050	951.987.820		
		Tồn cuối kỳ		228.737,0000					240	54.896.880

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, Họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Họ tên)

Ví dụ (Tiếp ví dụ 2): Ngày 19 tháng 09 năm 2014, công ty mua 3.310 lít dầu Diesel của công ty TNHH Ô tô Hoa Mai với đơn giá 19.790,9090 đồng. Công ty làm thủ tục nhập kho và ghi sổ trong trường hợp hàng đã về tới kho nhưng hóa đơn GTGT chưa về. Chi phí vận chuyển tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Khi hàng về, sau khi kiểm tra hàng hóa đúng quy cách và số lượng, thủ kho cùng các phòng ban có liên quan lập Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa (Biểu số 2.5) sau đó kẹp cùng Giấy đề nghị nhập kho (Biểu số 2.4) gửi về phòng kế toán. Kế toán dựa vào đó lập phiếu nhập kho số NNL09/072 (Biểu số 2.6) trên phần mềm kế toán và in ra thành 02 liên, 01 liên kẹp cùng các chứng từ thanh toán và 01 liên gửi lại thủ kho. Từ phiếu nhập kho, thủ kho vào Thẻ kho (Biểu số 2.15). Tại phòng kế toán, sau khi hoàn thành công việc lập phiếu nhập kho, phần mềm sẽ tự động ghi vào Sổ chi tiết Nguyên vật liệu (Biểu số 2.16) theo dõi cho DAU002 – Dầu Diesel. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết nguyên vật liệu để lập Báo cáo Nhập – xuất – tồn (Biểu số 2.17).

Ví dụ (Tiếp ví dụ 4): Ngày 19 tháng 09 năm 2014, công ty xuất 100 lít dầu Diesel phục vụ xe nâng 7 tấn Komatsu.

Từ Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa (Biểu số 2.10) cùng Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho (Biểu số 2.11) kế toán lập phiếu xuất kho số XNL09/227 (Biểu số 2.12) in thành 03 liên, 01 liên kế toán kho giữ, 01 liên thủ kho giữ, 01 liên người nhận vật tư giữ. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất ghi vào Thẻ kho (Biểu số 2.15), Tại phòng kế toán, sau khi hoàn thiện và lưu dữ liệu của phiếu xuất kho, phần mềm tự động cập nhật lại Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu số 2.16) theo dõi cho DAU002 – Dầu Diesel. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết nguyên vật liệu để lập Báo cáo Nhập – xuất – tồn (Biểu số 2.17).

Biểu số 2.15: Thẻ kho.

Công ty Cổ phần Lisemco 2
Km35 – Quốc lộ 10 – Quốc Tuấn – An Lão – Hải Phòng

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/09/2014.

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa: DAU002 -Dầu Diesel.

ĐVT: lít

Ngày nhập-xuất	Chứng từ		Ngày	Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Số				Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Dư đầu kỳ			-	
09/09	NNL09/071		09/09	Nhập phục vụ thi công	3.270		3.270	
...	
19/09	NNL09/072		19/09	Nhập phục vụ thi công	3.310		3.500	
19/09		XNL09/227	19/09	Xuất phục vụ xe nâng 7 tấn Komatsu		100	3.400	
...	
22/09		XNL09/293	22/09	Xuất cho xe 6 tấn Nissan		150	2.610	
...	
				Cộng phát sinh	10.950	10.495		
				Tồn cuối kỳ			455	

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ/BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 9 năm 2014

Tài khoản: 1523 - Kho công ty: 001

Tên, quy cách nguyên vật liệu : DAU002–Dầu Diesel.

ĐVT: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số	Ngày				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ							-	-
		Số phát sinh								
NNL09/071	09/09	Nhập phục vụ thi công	331	19.936,3600	3.270	65.191.897			3.270	65.191.897
...
NNL09/072	19/09	Nhập phục vụ thi công	331	19.790,9090	3.310	65.507.909			3.500	69.908.465
XNL09/227	19/09	Xuất phục vụ xe nâng 7 tấn Komatsu	623	19.973,8471			100	1.997.385	3.400	67.911.080
...
XNL09/293	22/09	Xuất cho xe 6 tấn Nissan	623	19.973,8471			150	2.996.077	2.610	52.131.741
...
		Cộng phát sinh			10.950	216.113.423	10.495	207.105.788		
		Tồn cuối kỳ		19.797,0000					455	9.007.635

Ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, Họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Họ tên)

Biểu số 2.17: Báo cáo nhập xuất tồn.

CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng.

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN

Tháng 9 năm 2014

ĐVT: đồng.

STT	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền
1	ARGON	Khí Argon	chai	9	1.665.188	20	3.700.000	3	555.063	26	4.810.125
...
104	DAU002	Dầu Diesel	lít	-	-	10.950	216.113.423	10.495	207.105.788	455	9.007.635
...
577	V040005	Thép V40x4	kg	290,1	5.981.575	16.611,44	213.624.050	1.887,6	24.933.636	15.013,94	194.671.989
...
586	V080006	Thép V80x6	kg	7.809,86	106.172.053	2.135	28.696.535	1.590,48	22.573.209	8.354,38	112.295.379
...
1107	SON052G	Sơn Interzinc 52 grey	lít	1.050	243.522.300	3.240	763.362.400	4.050	951.987.820	240	54.896.880
...
Tổng cộng					86.614.717.235		65.587.662.970		67.900.108.943		84.302.271.262

Ngày 30 Tháng 09 Năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Tại Công ty Cổ phần Lisemco 2, bên cạnh công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu trong công tác kế toán nguyên vật liệu. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh một cách tổng quát tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo chỉ tiêu giá trị mà kế toán chi tiết nguyên vật liệu chưa đảm nhiệm hết được.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Lisemco 2 đang áp dụng kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên tức là việc ghi chép tính toán tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên, liên tục.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng.

Trong công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty Cổ phần Lisemco 2 áp dụng hệ thống chứng từ do Bộ tài chính ban hành sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu bao gồm:

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, phiếu thu, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản,...

Và các chứng từ theo biểu mẫu quy định của công ty:

- Giấy đề nghị nhập kho.
- Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa.
- Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa.
- Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Để thực hiện công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty sử dụng một số tài khoản sau :

- Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”. Công ty chia TK 152 ra làm các tài khoản cấp 2 gồm:
 - + 1521: Nguyên vật liệu chính
 - + 1522: Vật liệu phụ

+ 1523: Nhiên liệu

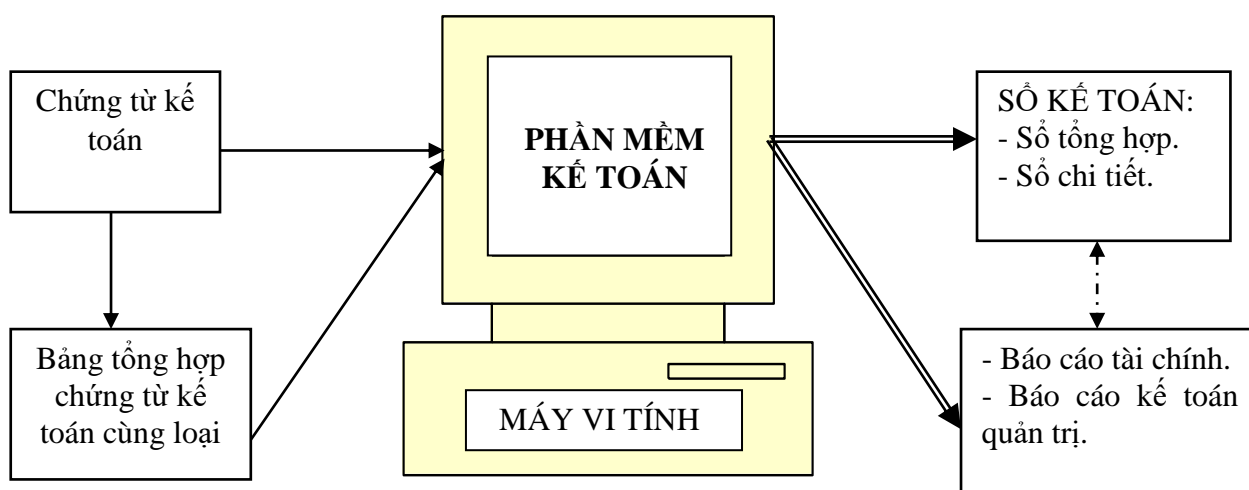
- Để đối ứng công nợ cho TK 152, công ty sử dụng TK 331.

- Bên cạnh đó Công ty còn sử dụng các tài khoản có liên quan để hạch toán: TK111,TK112, TK241, TK621, TK623, TK627,...

2.2.2.3. Quy trình hạch toán

Công ty Cổ phần Lisemco 2 hiện nay hạch toán theo hình thức Nhật ký chung sử dụng phần mềm kế toán FTS Accounting. Quy trình được minh họa qua sơ đồ 2.5 sau:

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính tại Công ty cổ phần Lisemco 2.



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc (Giấy đề nghị nhập kho, Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa, Phiếu yêu cầu cung cấp vật tư hàng hóa, Biên bản bàn giao vật tư hàng hóa xuất kho, Hóa đơn GTGT), kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy vi tính. Theo chương trình cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào Sổ nhật ký chung. Sau đó từ Sổ nhật ký chung máy tính ghi vào sổ cái TK 152, TK 111, TK 331,...Đến cuối kỳ, kế toán sẽ thực hiện các thao tác tổng hợp số liệu từ sổ cái TK 152 và các TK có liên quan để tiến hành lập bảng cân đối tài khoản.

Ví dụ: (Tiếp ví dụ 1): Ngày 04 tháng 09 năm 2014, công ty mua sơn Inter và dung môi GTA của Công ty cổ phần thương mại và công nghiệp Nguyên Hanh về nhập kho phục vụ thi công công trình Formosa. Công ty làm thủ tục nhập kho và ghi sổ trong trường hợp hàng đã về tới kho nhưng hóa đơn GTGT chưa về. Chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Căn cứ vào Giấy đề nghị nhập kho (Biểu số 2.1), Biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư hàng hóa (Biểu số 2.2) và các chứng từ có liên quan, kế toán nhập số liệu theo giá tạm tính vào phần mềm kế toán để in phiếu nhập kho với định khoản:

Nợ TK 1522: 164.223.250

Có TK 331: 164.223.250

Từ định khoản trên, phần mềm sẽ tự động xử lý dữ liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), và từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tiếp tục xử lý dữ liệu vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.19) và các sổ cái khác có liên quan.

Ví dụ (Tiếp ví dụ 2): Ngày 19 tháng 09 năm 2014, công ty mua 3.310 lít dầu Diesel của công ty TNHH Ô tô Hoa Mai với đơn giá 19.790,9090 đồng. Công ty làm thủ tục nhập kho và ghi sổ trong trường hợp hàng đã về tới kho nhưng hóa đơn GTGT chưa về. Chi phí vận chuyển tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Căn cứ vào Giấy đề nghị nhập kho (Biểu số 2.4), Biên bản nghiệm thu bàn giao vật tư hàng hóa (Biểu số 2.5) và các chứng từ có liên quan, kế toán nhập số liệu theo giá tạm tính vào phần mềm kế toán để in phiếu nhập kho với định khoản:

Nợ TK 1523: 65.507.909

Có TK 331: 65.507.909

Từ định khoản trên, phần mềm sẽ tự động xử lý dữ liệu vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tiếp tục xử lý dữ liệu vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.19) và các sổ cái khác có liên quan.

Ví dụ (Tiếp ví dụ 3): Ngày 04 tháng 09 năm 2014, công ty xuất sơn Inter và 80 lít dung môi GTA để phục vụ thi công công trình Formosa.

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xuất vật tư hàng hóa (Biểu số 2.7) và Biên bản giao vật tư hàng hóa xuất kho (Biểu số 2.8), kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo định khoản:

Nợ TK 621

Có TK 1522

Kế toán chỉ cần nhập tên, quy cách, số lượng, phần mềm máy vi tính sẽ tự động tính đơn giá và trị giá xuất kho. Trị giá xuất kho của sơn và dung môi là 56.684.385 đồng.

Phần mềm tiếp tục tự động xử lý số liệu ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái 152 (Biểu số 2.19) và các Sổ cái khác có liên quan.

Ví dụ (Tiếp ví dụ 4): Ngày 19 tháng 09 năm 2014, công ty xuất 100 lít dầu Diesel phục vụ xe nâng 7 tấn Komatsu.

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xuất vật tư hàng hóa (Biểu số 2.10) và Biên bản giao vật tư hàng hóa xuất kho (Biểu số 2.11), kế toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo định khoản:

Nợ TK 623

Có TK 1523

Kế toán chỉ cần nhập tên, quy cách, số lượng, phần mềm máy vi tính sẽ tự động tính trị giá xuất kho. Trị giá xuất kho của 100 lít dầu Diesel là 1.997.385 đồng.

Phần mềm tiếp tục tự động xử lý số liệu ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.18), từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái 152 (Biểu số 2.19) và các Sổ cái khác có liên quan.

Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung tháng 9/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2014

ĐVT: đồng.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
04/09	NVLP09/011	04/09	Nhập phục vụ CT Formosa	1522	164.223.250	
				331		164.223.250
04/09	XVLP09/021	04/09	Xuất phục vụ CT Formosa	621	56.684.385	
				1522		56.684.385
...
08/09	BN04/09/06	08/09	Chi tiền thanh toán tiền sơn	331	300.000.000	
				11214		300.000.000
...
08/09	XVLC09/11	08/09	Xuất phục vụ IHi - 093	621	201.205.171	
				1521		201.205.171
...
19/09	NNL09/011	19/09	Nhập phục vụ thi công	1523	65.507.909	
				331		65.507.909
19/09	XNL09/227	19/09	Xuất phục vụ xe nâng 7 tấn Komasu	623	1.997.385	
				1523		1.997.385
...
23/09	PT09/26	23/09	Thu TGNH về quỹ-NH BIDV	1111	100.000.000	
				11214		100.000.000
...
Tổng cộng					408.957.998.733	408.957.998.733

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ cái TK 152 tháng 9/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 2

Km35 - Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

152 – Nguyên vật liệu

Tháng 9 năm 2014

DVT: đồng.

Ngày ghi sổ	Số chứng từ	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		86.614.717.235	
		Tổng phát sinh		65.587.662.970	67.900.108.943
		Số dư cuối kỳ		84.302.271.262	
...
01/09	NVLC09/006	Nhập phục vụ CT Formosa	331	262.148.259	
...
04/09	NVLP09/011	Nhập phục vụ CT Formosa	331	164.223.250	
04/09	XVLP09/021	Xuất phục vụ CT Formosa	621		56.684.385
...
08/09	XVLC09/011	Xuất phục vụ CT IHI-093	621		201.205.171
...
15/09	NVLC09/019	Nhập phục vụ CT Formosa	621	68.478.092	
...
19/09	NNL09/011	Nhập phục vụ thi công	331	65.507.909	
19/09	XNL09/227	Xuất phục vụ xe nâng 7 tấn Komasu	623		1.997.385
...
24/09	XNL09/284	Xuất xăng A92 cho xe 9719	642		2.243.803
...

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

Kế toán tiến hành kiểm kê kho nguyên vật liệu nhằm mục đích xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho. Từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách và thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp.

Tại Công ty Cổ phần Lisemco 2, công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách mỗi năm một lần vào thời điểm cuối năm tại tất cả các kho.

Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm,... xác định số nguyên vật liệu còn trong kho với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập “Biên bản kiểm kê vật tư”. Căn cứ vào kết quả kiểm kê vật tư, Giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và Hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại công ty. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho kỳ tiếp theo.

Nhìn chung, công tác kiểm kê kho tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát mà chỉ có vài trường hợp bị thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan nhưng số lượng không đáng kể.

➤ Trường hợp kiểm kê phát hiện vật liệu thiếu:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán.

- Nếu giá trị nguyên vật liệu hao hụt hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức) ghi :

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 152 – Nguyên vật liệu

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải xử lý căn cứ vào giá trị hao hụt ghi :

Nợ TK 138 – Phải thu khác

Có TK 152 – Nguyên vật liệu

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định ghi :

Nợ TK 111 – Tiền mặt (Người vi phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 138 – Phải thu khác (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 – Phải trả người lao động (Trừ vào lương của người phạm lỗi)

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 138 - Phải thu khác

➤ Trường hợp kiểm kê phát hiện nguyên vật liệu thừa chưa rõ nguyên nhân ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Có TK 711 – Thu nhập khác

Ví dụ 5: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31 tháng 12 năm 2014, Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê (Biểu số 2.20):

Biểu số 2.20: Biên bản kiểm kê vật tư.

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Thời điểm kiểm kê : Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Biên bản kiểm kê gồm :

- Ông: Đào Văn Thông - Chức vụ : Phụ trách phòng Vật tư – Thiết Bị Đại diện: Trưởng ban.
- Ông: Phạm Xuân Hạp - Chức vụ : Kế toán quản lý vật tư Đại diện: Ủy viên.
- Bà: Đỗ Thị Thái - Chức vụ : Thủ kho. Đại diện: Ủy viên.

Đã kiểm kê kho công ty có những mặt hàng sau đây:

STT	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Còn tốt 100%
				SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		
								SL	TT	SL	TT	
1	ARGON	Khí Argon	chai	0	0	0	0					
...
104	DAU002	Dầu Diesel	lít	2.910,00	23.668.847	2.910,00	23.668.847					x
...
1107	SON052G	Sơn Interzinc 52 grey	lít	1.910,50	562.676.039	1.910,50	562.676.039					x
...
Tổng cộng					73.572.400.111		73.572.400.111	0	0	0	0	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO2.

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán nguyên vật liệu.

Công ty cổ phần Lisemco 2 là thành viên của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), tách ra từ Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng (LISEMCO). Là doanh nghiệp sinh sau đẻ muộn, thừa hưởng kinh nghiệm, thương hiệu, cơ sở vật chất, thiết bị và lịch sử hơn 50 năm từ Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, sau chặng đường 8 năm lao động, phấn đấu không mệt mỏi với chiến lược phát triển đúng đắn cùng quyết tâm, đồng lòng của lãnh đạo và công nhân, Lisemco 2 đã đạt được những kết quả và thành công đáng ghi nhận: doanh thu tăng gấp 10 lần ngày đầu thành lập, tăng trưởng vào loại cao của Lilama và của ngành cơ khí chế tạo. Lisemco 2 đã trở thành địa chỉ tin cậy của nhiều công ty, nhà thầu trong, ngoài nước, và đang tham gia vào các công trình trọng điểm quốc gia.

Đằng sau những thành công đã đạt được ngày hôm nay là không ít những khó khăn mà Công ty đã và đang đối mặt từ những ngày đầu bước chân vào hoạt động nhất là về các vấn đề tài chính, luân chuyển nguồn vốn, bởi đầu tư vào lĩnh vực cơ khí chế tạo đòi hỏi vốn lớn, thu hồi vốn chậm, chi phí cao do tình hình lạm phát,... mà vẫn phải đảm bảo được chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn bên cạnh đó còn là sự cạnh tranh về giá cả, chất lượng, thị trường,... của các đối thủ trong ngành,...

Công ty Cổ phần Lisemco 2 là doanh nghiệp đã và đang phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực gia công chế tạo, lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua thời gian thực tập tại công ty, em đã được tìm hiểu và nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu và nhận thấy công ty có những ưu điểm và một số hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- **Về bộ máy kế toán nói chung.**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ theo mô hình kế toán tập trung đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình,

thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán hoạt động có hiệu quả. Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ và kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể một cách hợp lý và phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty Cổ phần Lisemco 2 nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Thêm vào đó, một yếu tố không kém phần quan trọng đó là trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán khá đầy đủ, tiện nghi và hiện đại. Mỗi kế toán viên được trang bị máy vi tính có kết nối mạng Internet thuận tiện cho công việc chia sẻ thông tin và tổng hợp số liệu.

- **Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu.**

Công ty Cổ phần Lisemco 2 hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm công tác kế toán và đặc điểm nguyên vật liệu của công ty, giúp kế toán nguyên vật liệu có thể theo dõi chặt chẽ tình hình nhập xuất tồn, tập hợp chính xác chi phí nguyên vật liệu cho từng đối tượng tính giá thành, cung cấp các thông tin chính xác cho yêu cầu quản trị của công ty.

Về công tác hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm và quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty quản lý, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu chính xác, kịp thời.

Việc xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu tại Công ty được tính toán chi tiết cụ thể cho từng loại nguyên vật liệu, nên việc cung cấp nguyên vật liệu cho từng công việc được thực hiện rất nhanh chóng khi có yêu cầu.

- **Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.**

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển

phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty.

Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống sổ sách kế toán được lập theo quy định, phù hợp với quy mô của Công ty giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học.

- **Về việc sử dụng phần mềm kế toán.**

Công ty Cổ phần Lisemco 2 sử dụng phần mềm kế toán FTS Accounting. Việc sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán giúp giảm thiểu công việc, tiết kiệm thời gian, cung cấp chức năng thống kê, báo cáo mạnh mẽ, thông tin nhanh chóng, chính xác đảm bảo tiến độ và hiệu quả công việc.

- **Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu.**

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các đội thi công.

Đối với công tác thu mua: Công ty Cổ phần Lisemco 2 có bộ phận kiểm định chất lượng, am hiểu về chất lượng và thị trường nên việc thu mua nguyên vật liệu tương đối ổn định. Đồng thời, công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về mặt số lượng cũng như quy cách chất lượng của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hạn, kịp thời để công ty kịp tiến độ thi công các công trình.

Đối với công tác sử dụng nguyên vật liệu: Mọi nhu cầu sử dụng vật liệu đều đưa qua phòng Vật tư – Thiết bị xem xét tính hợp lệ của các nhu cầu đó nhằm tiết kiệm và quản lý tốt vật liệu.

Tóm lại, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát, quản lý tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho các công việc giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

3.1.2. Hạn chế.

- **Về việc khai thác phần mềm kế toán.**

Công ty Cổ phần Lisemco 2 áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính từ năm 2011 và sử dụng phần mềm kế toán FTS Accounting phiên bản PRO 1.99 đây là phiên bản công ty FTS(First Trust Sollution)lập trình và sản xuất từ năm 2010. Việc sử dụng phần mềm kế toán có rất nhiều ưu điểm song bên cạnh đó phần mềm FTS còn 1 số hạn chế.

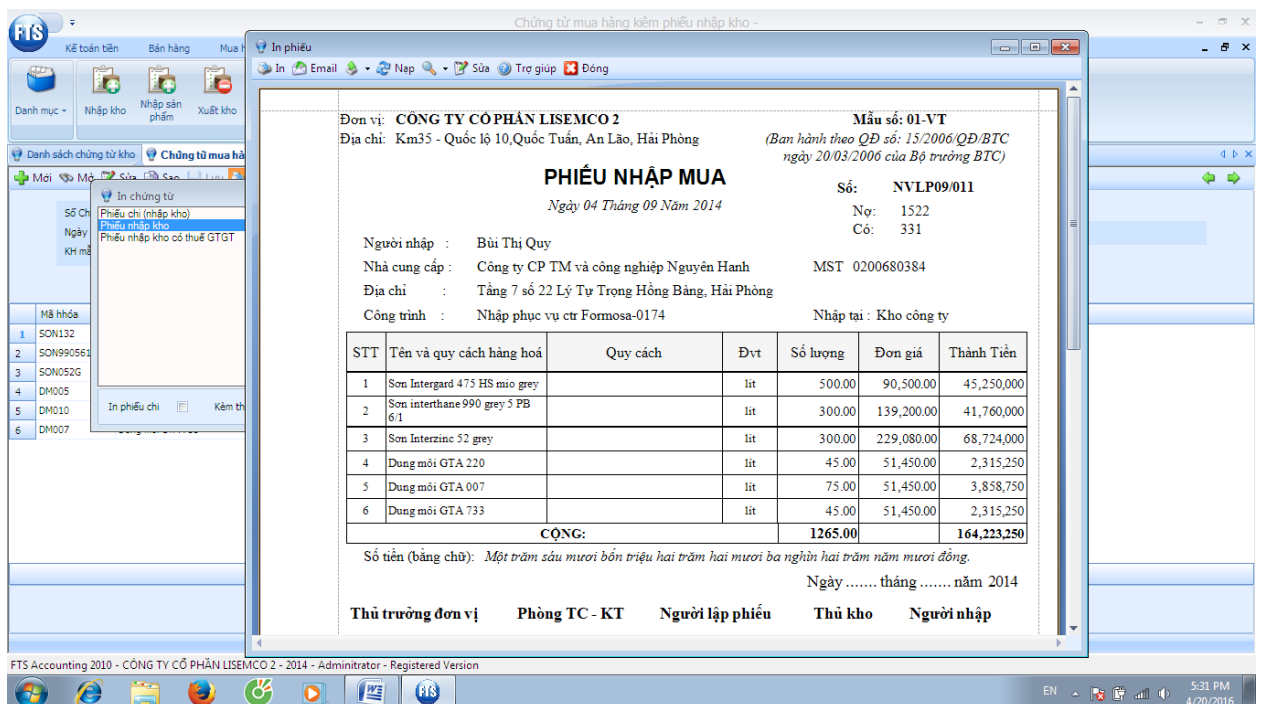
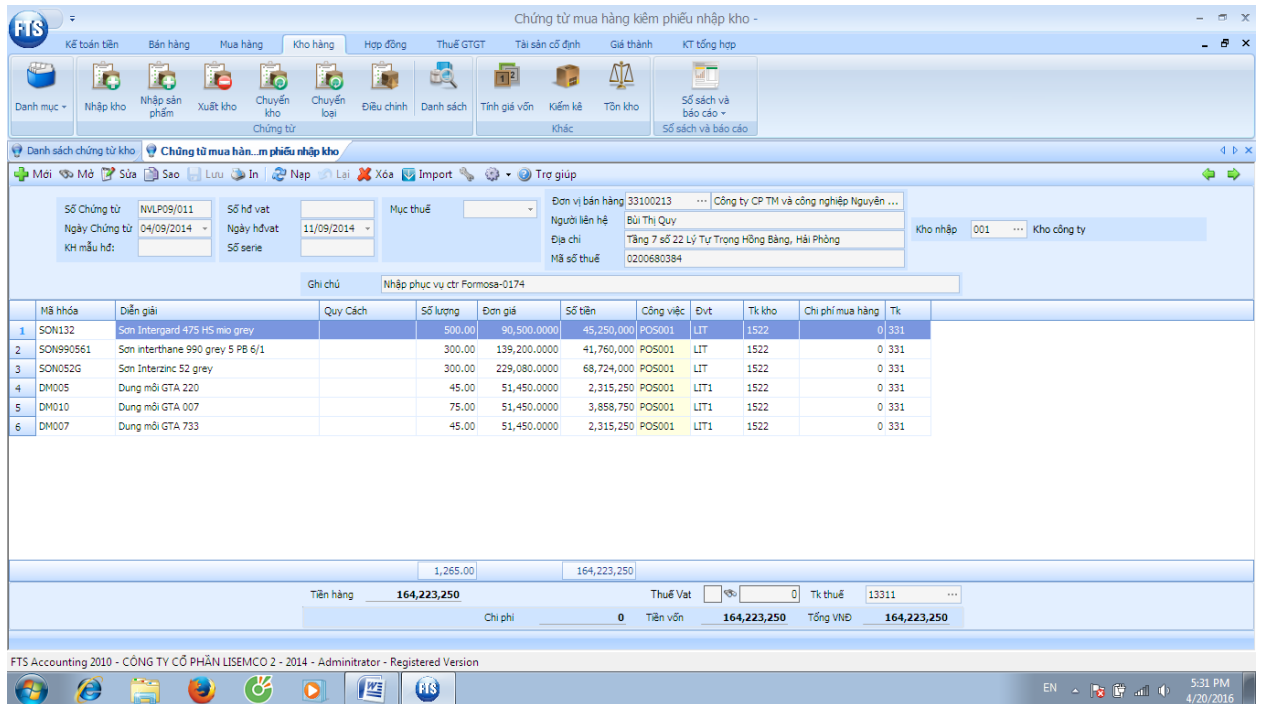
Ví dụ trong phân hệ Kho hàng: về thông tin được in ra trên Phiếu nhập kho, xuất kho từ phần mềm. Mặc dù thông tin và dữ liệu được nhập vào phần mềm rất đầy đủ và chính xác xong khi được in ra một số thông tin còn thiếu sót và không hợp lý, cụ thể:

- Phiếu xuất kho chỉ thể hiện số lượng xuất mà không thể hiện đơn giá và trị giá xuất kho.

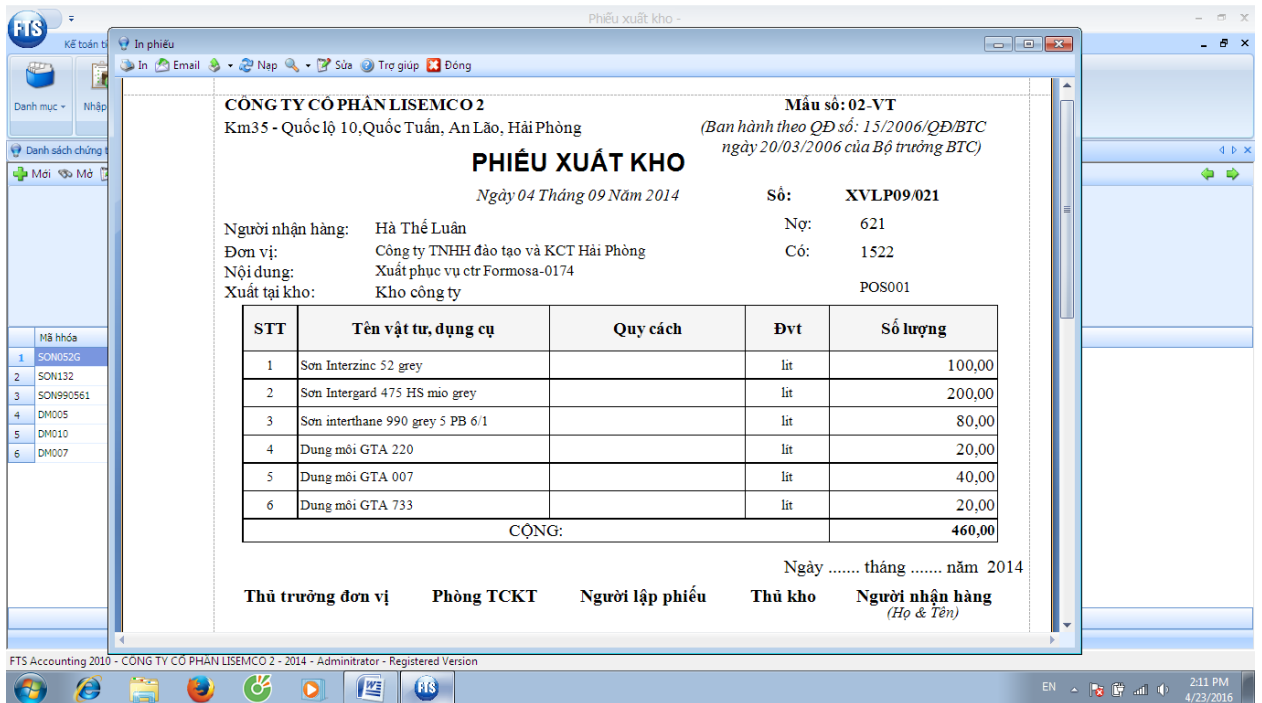
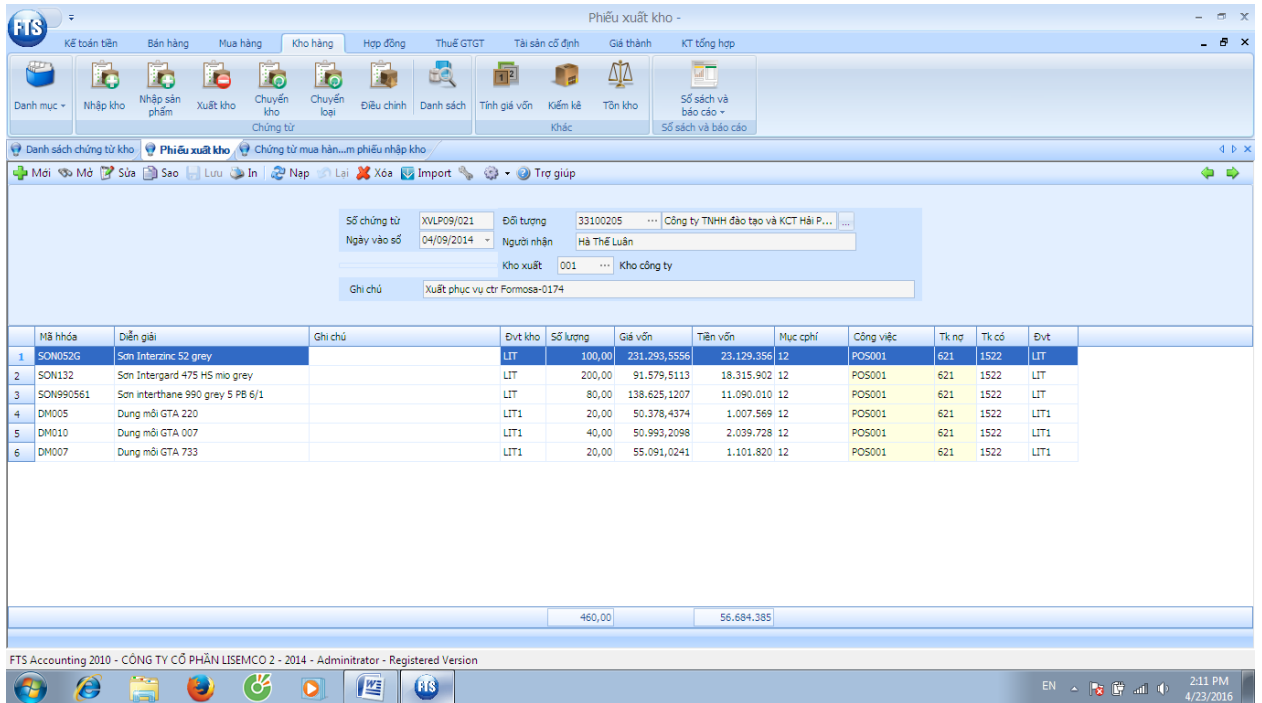
Việc không thể hiện đơn giá và trị giá xuất kho làm cho công tác đối chiếu, kiểm tra và quản lí nguyên vật liệu trên hệ thống chứng từ gặp phải khó khăn. Nếu muốn thực hiện công tác này kế toán viên phải vào phần mềm, tìm lại phiếu để đối chiếu, kiểm tra tốn rất nhiều thời gian và công sức.

- Phiếu nhập kho, xuất kho thể hiện giá trị tổng cộng số lượng nhập, xuất. Đây là thông tin không hợp lý và chính xác bởi mỗi lần nhập, xuất kho có đa dạng các chủng loại nguyên vật liệu với các đơn vị tính khác nhau. Do đó không thể tính tổng cộng tất cả các chủng loại nguyên vật liệu mỗi lần nhập – xuất.

Ví dụ hình ảnh giao diện phiếu nhập kho số NVLP09/011 trong phần mềm và khi phiếu được in ra, phần mềm tự động tính tổng cộng số lượng vật tư được nhập:



Ví dụ hình ảnh giao diện phiếu xuất kho số XVLP09/021 trong phần mềm kế toán và khi phiếu được in ra, đơn giá và trị giá xuất kho không được thể hiện, phần mềm tự động tính tổng số lượng vật tư được xuất:



- **Hệ thống kho tàng, bến bãi.**

Đối với các doanh nghiệp chế tạo và xây lắp như Công ty Cổ phần Lisemco 2 thì hệ thống kho tàng bến bãi đóng vai trò rất quan trọng. Tại đó vật tư, hàng hóa của Công ty được lưu trữ, bảo quản. Vì vậy, công tác giữ gìn và nâng cấp hệ thống kho bãi cần được các doanh nghiệp chú trọng đầu tư. Tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 hiện có 02 Kho lớn lưu trữ và bảo quản vật tư. Tuy vậy, hệ thống nhà kho chưa được khang trang, cơ sở vật chất như khung kệ, giá đỡ,... đã dần xuống cấp, nhà quản lý chưa tận dụng hết diện tích và không gian lưu chứa, công tác bảo quản nguyên vật liệu trước những biến đổi thời tiết còn hạn chế, công tác sắp xếp nguyên vật liệu chưa khoa học, còn lộn xộn sau mỗi lần nhập – xuất nguyên vật liệu,... Tất cả những hạn chế này gây ảnh hưởng đến chất lượng của nguyên vật liệu cũng như việc theo dõi về hiện vật tại các kho còn gặp khó khăn.

- **Công tác kiểm kê nguyên vật liệu.**

Công ty Cổ phần Lisemco 2 là công ty có quy mô hoạt động lớn vì vậy công tác kiểm kê nguyên vật liệu là công việc cần thiết để xác định lại số lượng, giá trị chất lượng vật tư trong kho, đối chiếu, kiểm tra giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và hoàn thiện công tác quản lý. Tuy nhiên, công ty chỉ thực hiện công tác kiểm kê hàng tồn kho một năm một lần vào thời điểm cuối năm tài chính. Việc không thường xuyên kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện mất mát cũng như hư hỏng để xử lý kịp thời sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý của công ty.

- **Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp nên giá cả nguyên vật liệu công ty mua về có sự biến động thường xuyên. Có những thời điểm giá nguyên vật liệu trong kho sụt giảm mạnh so với giá cả trên thị trường. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Lisemco 2 chưa tiến hành trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo tồn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong tình hình nền kinh tế còn tồn tại nhiều khó khăn và biến động như ngày nay, mỗi doanh nghiệp cần phải nỗ lực cố gắng phấn đấu, phát huy, tận dụng những ưu thế thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, thậm chí là đổi mới chính mình để hạn chế mọi rủi ro, thích nghi, cạnh tranh cũng như ngày một hoàn thiện chính mình mới có thể giữ vững phong độ và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trong đó việc hoàn thiện công tác kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công, chế tạo, xây lắp khác, với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí để xây dựng công trình cũng như giá thành sản phẩm cho nên công việc nghiên cứu, phân tích để đưa ra các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải đạt được những mục đích sau:

- Khắc phục được những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu.
- Đáp ứng được những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của Công ty.
- Nâng cao tốc độ phát triển của Công ty phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

3.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.

- **Yêu cầu:**

Qua thực trạng kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 thì cần phải hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu. Hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu cần phải đảm bảo những yêu cầu:

- Hoàn thiện dần dần để không gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, sản xuất của doanh nghiệp.
- Đảm bảo luôn cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách thường xuyên và liên tục.
- Các kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành, phải thiết thực, hợp lý, không quá tốn kém, phù hợp với doanh nghiệp.

- **Nguyên tắc:**

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung mà đặc biệt hạch toán kế toán nguyên vật liệu nói riêng là một vấn đề phức tạp. Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải căn cứ vào các quy định của Bộ tài chính và phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Kiến nghị đưa ra phải tập trung vào các khâu còn nhiều thiếu sót.
- Thực hiện theo nguyên tắc khả thi: Nguyên tắc này đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chính sách của pháp luật Nhà nước.
- Đảm bảo nguyên tắc hiệu quả: Chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp hoàn thiện phải có hiệu quả tốt hơn trước khi bỏ ra chi phí đó.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

- **Biện pháp 1: Hoàn thiện việc khai thác phần mềm kế toán.**

Công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán FTS Accounting PRO phiên bản 1.99 được sản xuất từ năm 2010. Phiên bản này còn tồn tại một số hạn chế và cụ thể trong công tác kế toán nguyên vật liệu, thông tin được thể hiện trên Phiếu nhập kho, xuất kho còn một số thiếu sót và chưa được hợp lý.

Công ty có thể yêu cầu phía công ty FTS lập trình chỉnh sửa hoàn thiện phần mềm, cụ thể trong phân hệ Kho hàng cần chỉnh sửa một số vấn đề sau:

- Thể hiện đơn giá cũng như trị giá xuất kho của từng loại vật tư trên phiếu xuất kho khi được in ra để kế toán có thể sử dụng phiếu xuất kho đối chiếu với các sổ sách trong trường hợp cần thiết tránh tình trạng phải quay lại tra cứu số liệu trên phần mềm kế toán.
- Chỉnh sửa phần mềm không tự động tính tổng cộng số lượng nhập, xuất vật tư trên phiếu nhập kho, xuất kho trong phần mềm và khi được in ra.

- **Biện pháp 2: Xây dựng hệ thống kho tàng, bến bãi.**

Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 gồm các loại như sắt thép, xi măng... rất dễ bị han gỉ, hư hỏng, mất mát... nếu không được bảo quản hợp lý. Để đảm bảo nguyên vật liệu được bảo quản một cách tốt nhất, giảm thiểu những hư hỏng, mất mát, Công ty nên nâng cấp hệ thống kho đạt tiêu chuẩn. Việc nâng cấp cần một số lượng vốn lớn, nhưng về mặt lâu dài sẽ hạn chế

và giảm thiểu thiệt hại của việc nguyên vật liệu bị giảm phẩm chất do các yếu tố môi trường. Hệ thống kho cần phải có các yếu tố cơ bản sau:

- Nguyên vật liệu được đóng gói bao bì, che phủ bảo quản.
- Diện tích kho rộng rãi, không gian khô ráo, thoáng mát.
- Định kỳ kiểm tra lại các khung kệ, giá đỡ,... chứa hàng tránh trường hợp bị gãy đổ...

Ngoài ra, nguyên vật liệu trong kho cần sắp xếp theo danh mục hoặc theo mã vật tư để tiện cho công tác nhập – xuất được diễn ra dễ dàng. Do đặc điểm ngành nghề kinh doanh nên nguyên vật liệu của Công ty rất đa dạng và phong phú về chủng loại cũng như chất lượng, vì vậy cần thiết sắp xếp nguyên vật liệu theo một tiêu chí nhất định để công tác nhập – xuất nguyên vật liệu được diễn ra dễ dàng, chính xác và nhanh chóng.

- **Biện pháp 3: Hoàn thiện công tác kiểm kê nguyên vật liệu.**

Hiện nay công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 chỉ được tiến hành một năm một lần vào thời điểm cuối năm tài chính. Công ty nên tiến hành kiểm kê thường xuyên hơn (một quý một lần). Như vậy sẽ đảm bảo nguyên vật liệu sẽ không bị thất thoát hay hư hỏng. Và nếu có thất thoát hay hư hỏng cũng nhanh chóng tìm ra nguyên nhân để có biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo công tác quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn.

- **Biện pháp 4: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp cho những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Bộ tài chính ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các tài khoản dự phòng như sau:

➤ Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

- Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hóa, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Thông tư 200 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 điều chỉnh kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản **229: “Dự phòng tổn thất tài sản”**.

➤ **Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2:**

- Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.
- Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.
- Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.
- Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ **Nội dung và kết cấu tài khoản 2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.
- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

➤ **Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng - 2294)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

KẾT LUẬN

Kế toán là công cụ đắc lực trong việc quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu về lĩnh vực chế tạo và xây lắp như Công ty Cổ phần Lisemco 2 thì công tác kế toán nguyên vật liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng, là công cụ đắc lực giúp các nhà lãnh đạo nắm bắt tình hình và chỉ đạo sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu có phản ánh chính xác và đầy đủ tình hình thu mua, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu thì lãnh đạo Công ty mới có biện pháp chỉ đạo đúng đắn. Do vậy, kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung tại Công ty phải không ngừng được hoàn thiện.

Là một Công ty nhạy bén với sự thay đổi của cơ chế mới và sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường, Công ty Cổ phần Lisemco 2 luôn nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường công tác quản lý. Một trong những yêu cầu quan trọng đề ra là phải biết tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 em đã được học hỏi về công tác kế toán và đi sâu vào tìm hiểu hạch toán kế toán kế toán nguyên vật liệu. Từ đó đã giúp em có cơ sở đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn để củng cố và bổ sung thêm cho kiến thức lý thuyết được trang bị tại trường. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty mà bài khóa luận đưa ra tuy còn mang nặng tính lý luận song em mong đó cũng là tài liệu để các nhà lãnh đạo tham khảo phục vụ cho công tác quản lý tại Công ty.

Trong quá trình tìm hiểu và hoàn thiện bài khóa luận, do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm tiếp xúc với công việc thực tế còn ít ỏi nên bài viết chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn ThS. Nguyễn Văn Thụ đã nhiệt tình hướng dẫn, cảm ơn ban lãnh đạo và các anh chị kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 2 đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện cho em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Sinh viên

Phạm Thị Tuyết Minh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Thông tư 200/2014/TT-BTC – Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.Quy trình quản lý vật tư thiết bị và các tài liệu, chứng từ, sổ sách về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 2.

3.Website:

- Công ty Cổ phần Lisemco 2: <http://lisemco2.com.vn/>
- Diễn đàn kế toán: <http://webketoan.com/>
- Tài liệu khóa luận các khóa trước tại: <http://lib.hpu.edu.vn/>,
<http://tailieu.hpu.edu.vn/>